

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

- Mã chứng khoán: DRG

- Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại liên hệ: 0262 3865015

Fax: 0262 3865041

- E-mail: Caosu@dakruco.com

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trân trọng công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/6/2026 tại đường dẫn Website: http://www.dakruco.com/chuyen_muc_quan_he_co_dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Viết Tượng

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 6 năm 2026

THƯ MỜI
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, Hội đồng quản trị Công ty kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 với những thông tin như sau:

1. Thời gian tổ chức cuộc họp: 7h30, thứ Ba, ngày 30 tháng 6 năm 2026.
2. Địa điểm cuộc họp: Trung tâm Tiệc cưới - Khách sạn Dakruco, 30 Nguyễn Chí Thanh - phường Tân An - tỉnh Đắk Lắk.
3. Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ: Tài liệu nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được Công ty cập nhật đăng tải tại website: <http://www.dakruco.com> từ ngày 08/6/2026 và gửi Quý Cổ đông khi tham dự cuộc họp.
4. Đăng ký dự họp: Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông có thể vui lòng Đăng ký tham dự cuộc họp tại Phòng Hành chính Công ty hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự cuộc họp về địa chỉ dưới đây trước 17 giờ 00 phút ngày 29/6/2026.
5. Ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp hoặc Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 29/6/2026 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự cuộc họp ĐHĐCĐ. (Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền cần có dấu của tổ chức ủy quyền).
6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Phòng Hành Chính. Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại (0262) 3865015 Fax: (0262) 3865041
7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thư mời tham dự cuộc họp và Giấy ủy quyền (nếu có); Căn cước công dân; Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty.

Trân trọng!

TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT


Nguyễn Viết Tượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

Kính gửi: Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk

Tên cổ đông:.....
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....
CCCD/Hộ chiếu/CNDKKD số:..... cấp ngày .../.../..... tại.....
Địa chỉ:Điện thoại:.....
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:cổ phần.
(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ☐

2. ỦY QUYỀN CHO ☐

Tên cá nhân, tổ chức:
CCCD/Hộ chiếu/CNDKKD số:.....cấp ngày .../.../..... tại.....
Địa chỉ:Điện thoại:.....
Số cổ phần được ủy quyền:.....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác,
quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tổ chức ngày 30/6/2026 và đại diện bên ủy quyền biểu quyết thông qua các nội dung hợp lệ trong chương trình cuộc họp với tư cách là đại diện cho số cổ phần được ủy quyền nêu trên.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Việc thực hiện ủy quyền phải tuân theo các quy định liên quan của Luật dân sự, Điều lệ Công ty. Người nhận ủy quyền phải mang theo CCCD/Hộ chiếu và giấy ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk kết thúc.

Cổ đông/Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ngày tháng năm 2026
Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



CHƯƠNG TRÌNH
HỘI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(Thứ Ba, ngày 30 tháng 6 năm 2026)

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- 1. Thời gian:** 07 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2026.
- 2. Địa điểm:** Nhà hàng tiệc cưới Khách sạn Dakruco-30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

TT	Nội dung	Chịu trách nhiệm	Thời gian	Ghi chú
A	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Đón tiếp, kiểm tra tư cách đại biểu tham dự	Ban Tổ chức	07h30-8h00	
B	NGHI THỨC KHAI MẠC			
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Thư ký	08h-8h05 (5 phút)	
3	Báo cáo kết quả, tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông	08h05-08h10 (5 phút)	
4	Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội (<i>Biểu quyết</i>)	Đại diện HĐQT	08h10-08h15 (5 phút)	
5	Phát biểu khai mạc Cuộc họp	Đoàn chủ tịch	08h15-08h20 (5 phút)	
6	Thông qua Chương trình họp; Quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ; Quy chế miễn nhiệm và bầu cử thành viên HĐQT, BKS (<i>Biểu quyết</i>)	Đoàn chủ tịch	08h20-08h30 (10 phút)	
7	Bầu Ban kiểm phiếu và tổ giúp việc (<i>biểu quyết</i>).	Đoàn chủ tịch	08h30-08h35 (5 phút)	
C	NỘI DUNG CHÍNH			
8	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026;	Đoàn chủ tịch	08h35-08h50 (15 phút)	
9	Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;	Ban Điều hành	08h50-09h05 (15 phút)	
10	Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Kiểm toán độc lập;	Đoàn chủ tịch	09h05-09h15 (10 phút)	
11	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;	Ban Kiểm soát	09h15-09h25 (10 phút)	
12	Các nội dung tờ trình (1) Tờ trình về kế hoạch SXKD và đầu tư 5 năm (2026-2030); (2) Tờ trình về kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2026; (3) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; (4) Tờ trình về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, người quản lý, HĐQT và Ban kiểm soát năm 2026; (5) Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026; (6) Tờ trình thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; (7) Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;	Đoàn chủ tịch	09h25-09h50 (25 phút)	



13	Thảo luận và đối thoại với cổ đông	Đoàn chủ tịch	09h50-10h20 (30 phút)	
14	Hướng dẫn biểu quyết và biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.	Ban Kiểm phiếu	10h20-10h25 (5 phút)	
15	MIỄN NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS (1) Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; (2) Lấy ý kiến biểu quyết miễn nhiệm (3) Tờ trình về việc Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023– 2028 (4) Thảo luận và chốt danh sách ứng viên (5) Hướng dẫn bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và tiến hành bầu cử	Đoàn chủ tịch Ban kiểm phiếu	10h25-10h35 (10 phút)	
16	- Đại hội giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc. - HĐQT họp miễn nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT và bầu UBKT, Chủ tịch UBKT	Ban Kiểm phiếu HĐQT	10h35-10h55 (20 phút)	
17	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung và kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ban Kiểm phiếu	10h55-11h05 (10 phút)	
D	BẾ MẠC			
18	Tặng hoa, kỷ niệm chương cho nguyên Chủ tịch HĐQT; Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT mới và UBKT ra mắt nhận nhiệm vụ.		11h05-11h15 (10 phút)	
19	Thông qua <u>Biên bản</u> và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.	Ban Thư ký	11h15-11h25 (10 phút)	
20	Tuyên bố bế mạc	Đoàn chủ tịch	11h25-11h30 (5 phút)	





Đắc Lắc, ngày 30 tháng 6 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc;

Nhằm đảm bảo cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc diễn ra thành công và đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế, quy định về nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Cuộc họp và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty	Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc;
- HĐQT	Hội đồng quản trị;
- BKS	Ban Kiểm soát;
- UBKT	Ủy ban kiểm toán;
- BTC	Ban tổ chức Đại hội;
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông;
- Cuộc họp	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu	Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, Cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp Cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Cuộc họp lần hai và trong trường hợp này Cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4.2. Điều kiện cổ đông tham dự Cuộc họp

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 29/5/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3. Khách mời tại Cuộc họp

Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Cuộc họp không phải là cổ đông Công ty, nhưng được mời tham dự Cuộc họp.

Khách mời không được phát biểu tại Cuộc họp, trừ trường hợp được Chủ tọa Cuộc họp mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Cuộc họp và được Chủ tọa Cuộc họp đồng ý.

4.4. Đại biểu tham dự Cuộc họp phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân ...vv theo yêu cầu của BTC Cuộc họp.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Cuộc họp tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Cuộc họp.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Cuộc họp.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Cuộc họp.

Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc mời đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Cuộc họp, để đảm bảo Cuộc họp diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5. Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra; Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa Cuộc họp. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Cuộc họp theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Cuộc họp đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

* Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

* Hướng dẫn các đại biểu và Cuộc họp thảo luận các nội dung có trong chương trình;

* Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

* Trả lời những vấn đề do Cuộc họp yêu cầu;

* Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Cuộc họp.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

- Thư ký Cuộc họp:

* Chủ tọa Cuộc họp cử 02 người làm thư ký Cuộc họp để ĐHĐCĐ thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

* Nhiệm vụ và quyền hạn: Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Cuộc họp; tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu; Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ; Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký Cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4.7. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Cuộc họp gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do chủ tọa giới thiệu tại Cuộc họp.

Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

* Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

* Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định của điều 145 Luật doanh nghiệp thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8. Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu đề ĐHĐCĐ thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

- * Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
- * Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.
- * Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho thư ký.
- * Xem xét và báo cáo Cuộc họp những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

4.9. Phát biểu tại Cuộc họp

Đại biểu tham dự Cuộc họp khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Cuộc họp. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Cuộc họp tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Cuộc họp sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Cuộc họp hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Cuộc họp

4.10.1. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Cuộc họp đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, có mã vạch và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Cuộc họp (kèm theo bộ tài liệu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố thông tin trên website của Công ty). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

* Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Bầu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu; Chương trình Cuộc họp; Quy chế làm việc tại Cuộc họp; Quy chế miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát; Biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS; thông qua Biên bản Cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung khác tại Cuộc họp (nếu có);

* Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Cuộc họp, trừ nội dung bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát.

Cách thức biểu quyết

* Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần

biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

* Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành về vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không ý kiến và không hợp lệ.

* Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Cuộc họp theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. Đối với phiếu bầu cử Thành viên HĐQT thì thực hiện theo Quy chế bầu cử HĐQT.

4.10.2 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, mỗi một nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình,...) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

* Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

* Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ hoặc mã vạch của Công ty; phiếu không có chữ ký và đầy đủ họ tên của đại biểu; phiếu đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

- Phiếu hợp lệ từng nội dung:

Phiếu biểu quyết để đánh dấu vào các ô được tính không hợp lệ theo từng nội dung, nếu nội dung nào không đánh vào cả ba ô (bỏ trống) hoặc đánh dấu từ hai ô đến ba ô thì xem như nội dung đó không hợp lệ, các nội dung khác nếu đánh dấu hợp lệ thì vẫn được tính cho từng nội dung hợp lệ.

4.10.3 Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 29/5/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 158.800.000 cổ phần tương đương với 158.800.000 quyền biểu quyết.

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Cuộc họp chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành.

4.10.4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ phát và thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Đối với phiếu bầu cử Thành viên HĐQT thì thực hiện theo Quy chế bầu cử HĐQT.

4.11. Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Cuộc họp.

5. THỰC HIỆN

Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Cuộc họp có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Người triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:

* Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

* Tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ khi Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp và các nội dung khác theo khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**

**Nguyễn Viết Trọng
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ
MIỄN NHIỆM VÀ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT, BKS
NHIỆM KỲ II (2023-2028)
TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

Nhằm đảm bảo cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT xây dựng Quy chế và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

I. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Điều 1. Điều kiện để miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS

1- Theo quy định tại khoản 1 Điều 52, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty thành viên HĐQT được đề nghị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

2- Ban Kiểm soát và thành viên BKS được đề nghị miễn nhiệm khi Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức mới theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty, Công ty không còn Ban kiểm soát mà thay bằng Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT.

Điều 2. Biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS

1- Việc tổ chức miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS được thực hiện thông qua biểu quyết bằng thẻ biểu quyết cho từng trường hợp được Ban Tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ phát ra. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần đại diện ủy quyền.

Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành về vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/Ban

Kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không ý kiến và không hợp lệ.

2- Kết quả thống kê số cổ phần nhất trí miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS có trên 50% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì thành viên HĐQT và thành viên BKS được miễn nhiệm và có hiệu lực ngay khi công bố kết quả. Nếu số cổ phần không nhất trí miễn nhiệm chiếm dưới 50% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì thành viên HĐQT và thành viên BKS sẽ không được miễn nhiệm.

3- Việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS sẽ được lập biên bản kiểm phiếu theo quy định và đưa vào kết quả cuộc họp ĐHĐCĐ.

II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 3. Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT là 01 thành viên, với vai trò là thành viên HĐQT độc lập;

- Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là nhiệm kỳ 2023-2028.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

Đối với thành viên HĐQT, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Nghị định 245/2025/NĐ-CP cần có thêm các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác.

- Thành viên HĐQT độc lập ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên phải đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

+ Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

+ Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

+ Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

+ Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 5. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết và có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi lăm (65)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65)% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

2- Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên cần thiết thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đương nhiệm đề cử bổ sung cho đủ số lượng cần bầu.

Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT

- Đơn xin đề cử, ứng cử tham gia thành viên HĐQT;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;

- Bản sao có chứng thực Căn cước công dân, hoặc Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn xin đề cử, ứng cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu thành viên HĐQT.

III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 8. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. *Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị:*

Được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã

số tham dự; Phiếu bầu được sử dụng để bầu thành viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu thành viên HĐQT theo mã số tham dự (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

- Trường hợp ghi sai, nếu phiếu bầu chưa được bỏ vào thùng phiếu thì cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Cuộc họp phát ra, không có dấu hoặc mã vạch của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

- Phiếu bị rách, gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; phiếu bầu quá số người quy định hoặc để phiếu trắng không bầu cho ai.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Điều 10. Phương thức bầu cử (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu (dồn đều hoặc dồn lệch).

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Cổ đông có thể dồn hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một người, một số người hoặc cho tất cả các ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho ứng cử viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông cũng như không được vượt quá số ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Về ghi phiếu bầu:

Có 02 cách ghi phiếu bầu:

- + Bầu dồn lệch: Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên tại cột “bầu dồn lệch”. Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy theo sự tín nhiệm của người bầu đối với các ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu phân cho các ứng cử viên được chọn không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.

- + Bầu dồn đều: Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) vào cột “bầu dồn đều” tương ứng với số thành viên HĐQT mà cổ đông tín nhiệm.

Điều 11. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Ban Tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- + Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử.
- + Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu.
- + Tiến hành kiểm phiếu bằng phần mềm kiểm phiếu.
- + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và kiểm phiếu trên phần mềm kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông, dữ liệu kiểm phiếu được lưu trữ tại Phòng Hành chính của Công ty, phiếu bầu được niêm phong và lưu trữ tại văn thư của Công ty.
- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 12. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Ban kiểm phiếu có hướng dẫn cụ thể tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định là người có số phiếu bầu cao nhất.

- Kết quả bầu cử được ghi vào Biên bản bầu cử thành viên HĐQT.

Điều 13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu.

- Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử thì Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp kiểm tra lại.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 14 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay trong Cuộc họp./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Viết Tượng
CHỦ TỊCH HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
CAO SU ĐẮK LẮK
DAKRUCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Để trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị (HĐQT) Dakruco thực hiện đánh giá các hoạt động chỉ đạo điều hành của HĐQT trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2025:

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

Trong năm 2025, nhân sự HĐQT và Ban điều hành Công ty có sự thay đổi, lý do 01 thành viên HĐQT đã thôi nhiệm và chuyển đến công tác tại đơn vị mới. Tại Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ngày 26/06/2025, đã bầu bà Nguyễn Thị Mai Quyên thay thế ông Nguyễn Độ (có đơn xin từ nhiệm từ ngày 04/6/2025), tính đến ngày 31/12/2025 thành viên HĐQT gồm có 07 thành viên, gồm 04 thành viên điều hành và 03 thành viên không điều hành, cụ thể như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Trọng	Chủ tịch HĐQT	TV điều hành
2	Nguyễn Minh	TV. HĐQT <i>Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
3	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
5	Nguyễn Văn Thông	TV. HĐQT <i>TP. Nhân sự - Pháp chế</i>	TV không điều hành
6	Tạ Quang Tòng	TV. HĐQT	TV không điều hành
7	Nguyễn Thị Mai Quyên	TV. HĐQT <i>TP. Kỹ thuật</i>	TV không điều hành

2. Hoạt động của HĐQT năm 2025 :

Trong năm 2025 HĐQT đã triển khai họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 26/6/2025 để định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; thực hiện các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và bầu bổ sung thành viên HĐQT. Đồng thời HĐQT tiến hành họp định kỳ đúng với quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp; việc

họp HĐQT đảm bảo mỗi quý họp 01 lần, trường hợp xét thấy cần thiết giải quyết những nội dung công việc quan trọng thì đã tiến hành lấy ý kiến HĐQT; tại mỗi lần họp các thành viên tham dự đều đạt từ 75% trở lên. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều xem xét, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT giữa hai kỳ họp và kết quả SXKD quý trước liền kề; xem xét các nội dung của Ban điều hành trình HĐQT, để cho ý kiến thực hiện, tháo gỡ những khó khăn, định hướng sản xuất kinh doanh, đặc biệt là cho chủ trương để tiếp cận nguồn vốn kịp thời cho sản xuất. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng được triển khai nhanh chóng để ban hành các nghị quyết kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ và đột xuất; 23 lần lấy ý kiến bằng văn bản, đã ban hành 28 Nghị quyết. Các nghị quyết của HĐQT trọng tâm vào việc trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2025; Điều lệ Công ty; miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028. Ngoài ra, các Nghị quyết của HĐQT còn tập trung vào chủ trương vay vốn của một số ngân hàng thương mại; chuyển tiền lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2024 và ứng lợi nhuận năm 2025 từ Công ty Dakmoruco về Dakruco để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; thỏa thuận với Ban điều hành về điều động, bổ nhiệm cán bộ giữa các phòng Ban Công ty với các đơn vị trực thuộc; định hướng công tác kiện toàn bộ máy và tổ chức cán bộ để phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty; thông qua các nội dung để người đại diện phần vốn của Dakruco biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên 2025 của các công ty con, công ty liên kết. Ngoài ra, ban hành các nghị quyết chỉ đạo phát triển cao su bền vững; chuyển đổi số; sản xuất cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC); chỉ đạo khắc phục các tồn tại, khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND, ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh... Chi tiết nội dung các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT được nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và đã được công bố tại Website Công ty.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành thực hiện căn cứ vào Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc giám sát thông qua các báo cáo Ban Điều hành; tham dự trực tiếp các cuộc họp giao ban của Ban Điều hành và đi cơ sở để kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra những chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành.

3. Kết quả đánh giá phân loại HĐQT và thành viên HĐQT năm 2025:

Tại biên bản kiểm phiếu xếp loại HĐQT và thành viên HĐQT ngày 19/5/2026 HĐQT thống nhất đánh giá phân loại tập thể HĐQT (hoàn thành tốt nhiệm vụ và phân loại từng thành viên HĐQT) như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức phân loại
1	Nguyễn Viết Trọng	Chủ tịch HĐQT	HTTNV
2	Nguyễn Minh	TV.HQQT <i>Tổng Giám đốc</i>	HTXSNV

3	Nguyễn Văn Cúc	TV.HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	HTTNV
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	HTTNV
5	Nguyễn Văn Thông	TV. HĐQT <i>TP. Nhân sự - Pháp chế</i>	HTTNV
6	Tạ Quang Tòng	TV. HĐQT	HTTNV
7	Nguyễn Thị Mai Quyên	TV. HĐQT <i>TP. Kỹ thuật</i>	HTTNV

4. Giao dịch với các bên liên quan: Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch được nêu chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 đã được công bố tại Website Công ty.

II. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Định kỳ, hàng quý Ban Điều hành có báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT giữa hai kỳ họp. Trong đó, Ban Điều hành đánh giá cụ thể những nội dung đã thực hiện, những nội dung chưa thực hiện và thực hiện dở dang. Từ đó, Hội đồng quản trị theo dõi và có định hướng chỉ đạo cụ thể, thông qua các nghị quyết để Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Năm 2025, HĐQT đã tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra. Chỉ đạo triển khai bán một phần số cổ phiếu DRI do Công ty sở hữu và thoái toàn bộ vốn của Dakruco tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương; đồng thời ký hợp đồng vay hoàn vốn với Ngân hàng Vietinbank đầu tư vườn cao su tái canh gói vay 300 tỷ đồng; tiếp tục làm việc với Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Đắk Lắk để ký hợp đồng tín dụng tài trợ vốn vay thực hiện đầu tư dự án đầu tư trồng xen cà phê tại Nông trường Cư Mgar (khi BIDV Đắk Lắk triển khai thủ tục giải ngân phức tạp), theo đó đã cơ cấu lại tài chính Công ty lành mạnh. Chỉ đạo Ban Điều hành đề triển khai cho Dakmoruco ký hợp đồng vay hoàn vốn đầu tư 3 triệu USD và tiếp tục làm việc với các cơ quan có liên quan để điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư trong Điều lệ Dakmoruco. Chỉ đạo hai Chi nhánh: Nhà máy Chế biến Chi thun và Khách sạn Dakruco xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2025 - 2030; đánh giá kết quả thực hiện Đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2020 - 2025, xây dựng Đề án củng cố phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty; sửa đổi các quy chế của HĐQT và nhiều nội dung liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cho chủ trương về mở rộng diện tích cao su FSC-FM; chủ trương thực hiện lộ trình giảm phát thải...

Tập trung chỉ đạo triển khai hoàn thành Dự án trồng tái canh cao su kết hợp trồng xen cây cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar với diện tích: 763,79 ha cây cao su và trồng xen 242,23 ha cà phê trên diện tích vườn cao su trồng mới. Thực hiện đầu tư trồng mới 50,05 ha cây sầu riêng (vườn cây sầu riêng trồng xen trong vườn mít); trồng xen cây cà phê trong vườn sầu riêng (2024) 11,73 ha.

Chỉ đạo triển khai về công tác sắp xếp lại bộ máy và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh, sáp nhập NT Cuôr Đăng và NT Phú Xuân; thỏa thuận với Ban điều hành triển khai công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty.

Chỉ đạo triển khai điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương; chỉ đạo ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty, sửa đổi, bổ sung các quy chế nhằm nâng cao hoạt động quản trị Công ty theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng pháp luật...

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 kịp thời, đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, các Nghị quyết của HĐQT, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh, theo sát thị trường và đúng quy định của pháp luật; tiếp tục bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động trong tình hình hiện nay.

* Kết quả đạt được so với kế hoạch năm đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 như sau:

a/ Về sản lượng các loại sản phẩm:

- + Sản lượng mủ cao su: 8.571,89 tấn/7.648,43 tấn, đạt 112,07%;
- + Sản lượng chế biến sợi chỉ thun: 1.684,74 tấn /2.500 tấn, đạt 67,39%;
- + Sản lượng chuối (thu hoạch): 1.464,36 tấn/KH 1600 tấn, đạt 91,52%
- + Sản lượng dứa MD2: 241,76 tấn /168,81 tấn, đạt 143,21%;
- + Sản lượng sầu riêng: 26,81 tấn /284,15 tấn, đạt 9,44 %.

b/ Về doanh thu và lợi nhuận :

- Tổng doanh thu thực hiện: 709,75 tỷ/ 697,54 tỷ đồng, đạt 101,75%;
- Lợi nhuận sau thuế: 89,01 tỷ/ 80,22 tỷ đồng, đạt 110,95%.

Nhìn chung các chỉ tiêu đều đạt, vượt kế hoạch đề ra và tăng trưởng so với năm 2024; tình hình tài chính Công ty đã lành mạnh trở lại sau hơn 10 năm khó khăn. Tuy nhiên, vẫn còn chỉ tiêu không đạt như sản lượng chỉ thun, sầu riêng; khách sạn kinh doanh còn khó khăn.

III. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

1. Kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua:

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao cho HĐQT, Kiểm soát viên: 2.008,800 triệu đồng, trong đó:

+ Tiền lương của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.560 triệu đồng.

+ Quỹ thù lao của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 448,800 triệu đồng.

- Tổng quỹ tiền lương năm 2025 của Ban Điều hành: 1.872,00 triệu đồng.

- Kế hoạch về chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2025: 200 triệu đồng.

2. Quỹ Tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban Điều hành năm 2025:

2.1. Đối với tiền lương Chủ tịch HĐQT và Kiểm soát viên trong năm 2025: Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ “*Đối với trường hợp lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì được tính thêm tiền lương vào mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này*”.

Năm 2025, Lợi nhuận thực hiện trước thuế vượt so với kế hoạch là 111% (89.010trđ/80.227trđ).

Vì vậy, Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025: 2.081,697 triệu đồng, bằng 103,63%KH, trong đó:

- Tiền lương của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.637,628 triệu đồng, bằng 104,97%KH;

- Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 444,069 triệu đồng, bằng 98,95%KH;

2.2. Quỹ tiền lương Ban Điều hành thực hiện năm 2025: 2.215,857 triệu đồng (tăng so với kế hoạch là vì Ban Điều hành Công ty được hưởng tiền lương tăng theo mức tăng năng suất lao động (27%) so với quy định), bằng 118,37%KH.

2.3. Quỹ tiền thưởng của người quản lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: 320,86 triệu đồng;

2.4. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát đã thực hiện 71,987 triệu đồng/200 triệu đồng, bằng 35,9% kế hoạch.

IV. Định hướng hoạt động của năm 2026:

Bước vào năm 2026, bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam dự báo tiếp tục có những cơ hội đan xen với nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình địa chính trị toàn cầu vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, nhất là tình hình Trung Đông; các chính sách thuế quan và phi thuế quan của các nền kinh tế lớn vẫn duy trì, tuy mức độ khác nhau, làm ảnh hưởng đến thương mại quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu. Áp lực lạm phát, biến động giá cả hàng hóa, cùng với tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu và nguy cơ dịch bệnh trên cây trồng tiếp tục là những yếu tố rủi ro đáng lưu ý.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam triển khai hàng loạt giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng “hai con số”, trong đó tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chịu tác động không nhỏ từ diễn biến tình hình địa chính trị và kinh tế thế giới, cùng với các yếu tố bất định như thời tiết, khí hậu... Đây là cơ hội cũng như những thách thức đối với các doanh nghiệp, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tích cực trong năm 2025 của Công ty, đặc biệt là việc cải thiện dòng tiền, tái cơ cấu nợ vay, lành mạnh hóa tình hình tài chính, cùng với những tín hiệu khả quan của thị trường cao su và thị trường vốn, Công ty đã từng bước củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhất là sự phụ thuộc vào thị trường thế giới và diễn biến thời tiết bất thường.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định năm 2026 là năm tiếp tục củng cố nền tảng tài chính, nâng cao năng lực quản trị và đẩy mạnh phát triển bền vững. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch hoạt động với các định hướng mục tiêu và giải pháp như sau:

1. Định hướng một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD 2026:

- Tổ chức khai thác và mua ngoài: **8.772,87 tấn** mùn cao su quy khô;
- Xuất bán: **8.772,87 tấn**. Trong đó, xuất bán nội địa là 3.509,15 tấn (chiếm 40% tổng sản lượng xuất bán); xuất khẩu là 5.263,72 tấn (chiếm 60% tổng sản lượng xuất bán);
- Sản phẩm chỉ thun : 2.500 tấn;
- Sầu riêng : 700 tấn;
- Trái cau : 51 tấn;
- Tổng doanh thu : 814.225,55 triệu đồng;
- Tổng chi phí : 723.006,35 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 91.219,20 triệu đồng;
- Đầu tư: Tổng giá trị đầu tư : 253.847,93 triệu đồng. Trong đó, đầu tư nông nghiệp (cây cao su, sầu riêng và cây cà phê): 161.881,41 triệu đồng; đầu tư trồng rừng (FSC): 815,60 triệu đồng; đầu tư ngoài nông nghiệp: 91.150,91 tỷ đồng.

2. Định hướng chỉ đạo của HĐQT:

- Tìm kiếm các giải pháp hữu hiệu trong tổ chức sản xuất kinh doanh và đầu tư; tích ứng với thị trường; tiếp tục đảm bảo tình hình tài chính Công ty lành mạnh, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

- Tiếp tục triển khai trồng xen cà phê trên diện tích cao su kiến thiết cơ bản 1, với diện tích 300ha; tiến hành khảo sát để đầu tư hệ thống điện mặt trời tại Văn phòng Công ty, Khách sạn Dakruco, Nhà máy Chế biến mùn, Nông trường Cư Bao; đầu tư lò nhiệt biomass cho Nhà máy Chế biến mùn cao su, qua đó làm giảm chi phí sử dụng điện năng và thực hiện mục tiêu giảm phát thải carbon. Tiến hành xúc tiến hợp tác đầu tư nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao. Đưa Công ty TNHH Kiểm nghiệm và Xuất khẩu nông sản Tây Nguyên vào hoạt động có hiệu quả.

Tiếp tục chỉ đạo Dakmoruco triển khai khảo sát, làm việc với địa phương và bộ ngành làm thủ tục đầu tư Nhà máy Chế biến mủ cao su giai đoạn I và khảo sát phát triển dự án trồng cà phê tại Mondulkiri - Campuchia.

- Tiếp tục huy động vốn cho đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau như nguồn vốn xanh, từ các tổ chức tín dụng, thuê tài chính, từ các đối tác hợp tác liên doanh..., nhằm đảm bảo chủ động về nguồn vốn đầu tư, đảm bảo dòng tiền sản xuất kinh doanh và đầu tư không bị thiếu hụt. Đánh giá dự án đầu tư thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình và phân kỳ đầu tư hợp lý, trước khi triển khai đầu tư, hạn chế thấp nhất rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Tập trung chỉ đạo Nhà máy Chế biến chỉ thun đầu tư sửa chữa máy móc thiết bị, tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hòa vốn và tiến tới có lãi. Phối hợp với tư vấn để đánh giá lại tổng thể hiện trạng Cụm dịch vụ Khách sạn Dakruco để có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh và đầu tư trong thời gian tới; lập phương án đầu tư, nâng cấp và kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo đầu tư có lãi.

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với các Sở, Ngành liên quan để được phê duyệt hồ sơ thuê đất sau cổ phần hóa, đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh diện tích,... cho toàn bộ diện tích còn lại tại các chi nhánh. Chỉ đạo rà soát các hợp đồng thuê khoán, liên kết trước đây đã hết hạn để có kế hoạch thu hồi và sử dụng đất của Công ty đúng mục đích. Triển khai hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý về đất đai, dự án, môi trường.

- Tổ chức sản xuất thích ứng với thời tiết; nghiên cứu thay đổi quy trình canh tác, khai thác mủ cao su theo hướng giảm phát thải và tuần hoàn; tiếp cận thị trường carbon để bán tín chỉ ra thị trường. Duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu Dakruco trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường kiểm soát chất lượng hệ thống để giữ vững chứng nhận FSC-FM/CoC đối với sản phẩm mủ và gỗ cao su và mở rộng diện tích FSC-FM đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại đối với sản phẩm mủ cao su FSC-FM/CoC.

- Tiếp tục kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 đã được phê duyệt; ứng dụng công nghệ để tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tốt vườn cây, để gia tăng sản lượng khai thác, kiểm soát khối lượng, chất lượng nguyên liệu đầu vào. Đầu tư cải tạo dây chuyền chế biến mủ cao su theo hướng tự động hóa kết hợp sử dụng công nghệ AI, ứng dụng công nghệ vào trong chế biến sản phẩm, tìm kiếm nhiên liệu thay thế để tiết kiệm chi phí, gia tăng lợi nhuận; áp dụng công nghệ, phần mềm và AI vào hoạt động nghiên cứu thị trường, nâng cao hiệu quả vận hành và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý phòng ban, đơn vị; tăng cường đào tạo kỹ năng chuyển đổi số và ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện việc sắp xếp đội sản xuất và bộ phận bảo vệ tại các chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp để tuyển dụng công nhân khai thác mủ cao su cho các đơn vị.

- Tiếp tục khắc phục các tồn tại, khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND của UBND Tỉnh. Trong đó, tập trung khắc phục các nội dung

liên quan đến Phương án sử dụng đất được UBND Tỉnh phê duyệt. Chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Nhất Thống theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Triển khai Kế hoạch khắc phục tồn tại, khuyết điểm còn lại.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2025 và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026; Báo cáo này sẽ trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét cho ý kiến./.

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Viết Trọng

7



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(ĐAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2026 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

Thực hiện Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Nay, Tổng Giám đốc xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Điều hành năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Ban Điều hành đã kịp thời chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện 01 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và 28 Nghị quyết Hội đồng Quản trị; Công tác chỉ đạo điều hành đạt kết quả như sau:

1. Công tác sản xuất:

1.1. Sản phẩm mủ cao su khai thác và chế biến:

- Tổng sản lượng mủ cao su Công ty đạt: 8.571,89 tấn/ 7.626,80 tấn quy khô đạt, đạt 112,4% KH theo Nghị quyết HĐQT (bằng 116,5% so với cùng kỳ năm 2024). Trong đó:

+ Sản lượng từ vườn cây Công ty: 5.711,63 tấn/ 5.553,50 tấn, đạt 102,85%. KH (bằng 122,9% so với cùng kỳ năm 2024);

+ Sản lượng từ vườn cây liên kết: 229,33 tấn/94,93 tấn, đạt 241,59% KH (bằng 50,62% so với cùng kỳ năm 2024);

+ Sản lượng mua ngoài: 2.630,93 tấn/ 2.000 tấn, đạt 131,55%.KH (bằng 116,61% so với cùng kỳ năm 2024).

- Tổng sản phẩm mủ cao su chế biến năm 2025 thực hiện: 9.740,7/ 8.926,8 tấn sản phẩm cao su khối (SVR), đạt 109,1%KH (bằng 121,69% so với cùng kỳ năm 2024). Trong đó sản phẩm Công ty 8.756,19 tấn, sản phẩm gia công cho Công ty Đồng Phú 984,5 tấn. Sản phẩm rớt hạng từ loại này sang loại khác là 0,27%.

1.2. Sản phẩm chỉ thun cao su:

- Tổng sản phẩm sợi chỉ thun cao su sản xuất: 1.684,7 tấn/2.500 tấn (đạt 67,4% KH) và xuất bán: 1.697,9 tấn /2.500 tấn, đạt 67,9% KH (tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2024).

- Tỷ lệ sản phẩm loại A đạt: 94.53%/KH 96%, đạt 98.4% KH.

1.3. Sản phẩm trái cây:

- Tổng sản lượng trái cây thu hoạch và xuất bán năm 2025:

+ Sản lượng chuối xanh thu hoạch và xuất bán 1.464,36 tấn/KH 1600 tấn, đạt 91,52% KH theo NQ HĐQT; giá bán bình quân 11.784 đồng/kg/10.780 đồng/kg, đạt 109% KH;

+ Sản lượng dừa MD2: 241,76 tấn /168,81 tấn, đạt 143,2% KH theo NQ HĐQT; giá bán bình quân 6.326 đồng/kg / 6.000 đồng/kg, đạt 105% KH;

+ Sản lượng sầu riêng 26,8 tấn /284 tấn, đạt 9,44 % KH theo NQ HĐQT; giá bán bình quân 12.938 đồng/kg / 50.000 đồng/kg, đạt 25,8% KH.

- Doanh thu trái cây năm 2025 đạt 19,58 tỷ đồng /33,5 tỷ đồng (đạt 58% KH năm 2025).

2. Công tác kinh doanh - xuất nhập khẩu:

- Năm 2025 xuất bán: 8,465.30 tấn /KH 7.648,4 tấn, đạt 111% KH, bằng 107% so với năm 2024. Trong đó, xuất khẩu: 3.895,44 tấn, chiếm 46%; xuất bán nội địa: 4,569.86 chiếm 54% tổng sản phẩm xuất bán.

- Doanh thu SP cao su: 409,83 tỷ đồng/320,39 tỷ đồng đạt 127,9 %KH năm (theo số BCTC sau kiểm toán năm 2025)

- Giá bình quân sản phẩm cao su thành phẩm (không bao gồm mù phế phẩm): 48.25 triệu đồng/Tấn. đạt 114,88 % KH (NQ HĐQT: 42 triệu đồng/tấn), tăng 7,64% so với cùng kỳ năm 2024 (giá 2024: 44,822 triệu đồng/ tấn).

- Giá bình quân xuất khẩu: 1.947 USD/ tấn, tăng 4,27% so với năm 2024.

- Kim ngạch xuất khẩu: 7,58 triệu USD.

- Năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện công tác mua mù nguyên liệu bên ngoài được 2.630,9 tấn/ 2.000 tấn đạt 131,5% kế hoạch năm 2025. Giá mua mù cao su nguyên liệu của Công ty được điều chỉnh phù hợp với thị trường trong từng thời điểm.

3. Công tác tài chính kế toán:

- Tình hình tài chính Công ty đến 31/12/2025:

- Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025: 719,46 tỷ đồng . Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 279,96 tỷ đồng

+ Nợ dài hạn: 439,50 tỷ đồng

- Tổng doanh thu năm 2025 là 709,75 tỷ đồng/KH năm là 697,54 tỷ đồng, đạt 101,75% KH năm; tăng 10,7% so với năm 2024 (tương đương 68,63 tỷ đồng) theo NQ HĐQT.

- Lợi nhuận trước thuế: 89,01 tỷ đồng/KH năm là 80,22 tỷ đồng, đạt 110,95% KH năm; tăng 76,97% so với năm 2024 (tương đương 38,71 tỷ đồng) theo NQ HĐQT.

- Trong năm 2025, tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn DRI và đã chào bán

thành công trên 11,59 triệu cổ phiếu, giá bán bình quân 15.447 đồng/cổ phiếu, giá trị thu về sau khi trừ đi chi phí thoái vốn 178,8 tỷ đồng. Triển khai thoái vốn toàn bộ 360.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương, giá bán 24.725 đồng/cổ phần, giá trị thu về sau khi trừ đi chi phí thoái vốn 8,77 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách nhà nước:

+ Số nợ NSNN đầu kỳ (01/01/2025): 69,30 tỷ đồng;

+ Số phát sinh phải nộp năm 2025: 95,78 tỷ đồng;

+ Số đã nộp trong năm 2025: 166,42 tỷ đồng, trong đó, đã nộp: Tiền thuê đất: 64,21 tỷ đồng; Tiền thuế GTGT: 8,10 tỷ đồng; Tiền thuế TNDN: 2,60 tỷ đồng; Tiền cổ tức (phần vốn nhà nước): 51,33 tỷ đồng; Tiền chậm nộp, thuế, phí khác: 15,18 tỷ đồng; Nộp tiền cổ phần hóa (đợt 1): 25,00 tỷ đồng.

+ Tổng số thuế còn nợ tới 31/12/2025 là 23,67 tỷ đồng, trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp: 9,82 tỷ đồng; Tiền thuê đất (nợ kỳ 2025): 13,83 tỷ đồng; Thuế, phí khác: 0,02 tỷ đồng;

Lý do còn nợ: (i) Nợ tiền thuê đất: Do trong năm, Dakruco đã đề nghị Thuế tỉnh Đắk Lắk xem xét miễn, giảm 100% tiền thuê đất (đất nông nghiệp) do đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số từ 50% trở lên (năm 2024, tỷ lệ người lao động là người dân tộc thiểu số chiếm 54,39%/tổng số lao động) theo Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/08/2025, số tiền đề nghị miễn: 30,51 tỷ đồng, nhưng hết năm tài chính Cơ quan Thuế vẫn chưa có quyết định miễn/giảm. Do đó, Dakruco chưa nộp số tiền thuê đất tương ứng với số tiền Dakruco đang xin được miễn giảm như đã nêu trên; (ii) Nợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: Dakruco sẽ thực hiện nộp sau khi Báo cáo tài chính năm được lập (Báo cáo tài chính năm được lập sau ngay kết thúc năm tài chính).

- Nộp chế độ của người lao động cho cơ quan BHXH tới 31/12/2025 là: 43,14 tỷ đồng (trong đó nợ năm 2024 chuyển qua là 2,25 tỷ đồng). Tính tới 31/12/2025, Công ty không còn nợ cơ quan Bảo hiểm xã hội.

4. Công tác quản lý kỹ thuật:

4.1. Năng suất và chất lượng mủ cao su:

- Năng suất bình quân vườn cây các chi nhánh trong nước là 1.616,8 kg/ha, tăng 65kg/ha so với cùng kỳ; Hàm lượng DRC giảm 0,02% so với năm 2024;

- Năm 2025 đưa vào mở mới 401,43 ha tại Nông trường Phú Xuân 149,04 ha, Nông trường Cư Kpô: 214,29ha; Nông trường Cư M'gar: 38,10ha.

- Chất lượng mủ nước nguyên liệu loại 1 chiếm tỉ lệ 95,65% / KH 98,0% đạt 97,6%

4.2. Công tác trồng mới, chăm sóc vườn cây cao su KTCB và kinh doanh:

+ Vườn cao su Trồng mới:

Diện tích trồng mới năm 2025: 763,79 ha; Trong đó:

- Vườn cây xếp loại A: 227,90 ha, tỷ lệ 29,85%;
- Vườn cây xếp loại B: 130,90 ha, tỷ lệ 17,15%;
- Vườn cây xếp loại C: Không có;
- Vườn cây xếp loại D: 405 ha, tỷ lệ 53%. Trong đó toàn bộ diện tích stump trần: 399.77 ha trồng giống stump trần xếp loại D.

Nguyên nhân: Đối tác chậm bàn giao mặt bằng để thực hiện công tác trồng mới, dẫn đến kéo dài thời gian trồng từ tháng 6 đến cuối tháng 9, bỏ lỡ thời điểm phù hợp cho các công tác chăm sóc sau trồng, dẫn đến sinh trưởng và phát triển cây con bị ảnh hưởng, đặc biệt vườn cây trồng stump trần chiếm hơn 50% diện tích ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây cuối năm. Hơn nữa, tình hình thời tiết năm 2025 có nhiều cơn mưa lớn và mùa mưa kéo dài nên công tác chăm sóc vườn trồng mới còn gặp nhiều khó khăn trong việc cung ứng vật tư, thực hiện công đoạn chăm sóc.

+ Vườn cao su KTCB

Tổng diện tích cao su KTCB là 3.236,22 ha (không bao gồm diện tích dự án tại Campuchia và một số diện tích nằm trong quy hoạch thu hồi của UBND tỉnh).

- Vườn cây xếp loại A: 1.026,46 ha, tỷ lệ 31,72%;
- Vườn cây xếp loại B: 1.186,30 ha, tỷ lệ 36,66%;
- Vườn cây xếp loại C: 528,61 ha, tỷ lệ 16,33%;
- Vườn cây xếp loại D: 494,85 ha, tỷ lệ 15,29%;
- Công tác chăm sóc vườn cây KTCB được triển khai đồng bộ và đúng tiến độ ở tất cả các công đoạn như làm cỏ, tía chồi, tạo hình..., đồng thời kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm quy trình kỹ thuật; Kế hoạch đầu tư phân bón được cải thiện so với năm trước. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết thuận lợi, mùa mưa đến sớm và kéo dài đến các tháng cuối năm đã tạo điều kiện cho cây sinh trưởng tốt, kết hợp với việc thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc vườn cây. Vì vậy, chất lượng vườn cây có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể, tỷ lệ vườn cây loại A tăng 2,95%, loại B tăng 7,04%, trong khi vườn cây loại C giảm 5,67% và loại D giảm 4,32%.

+ Vườn cao su Kinh doanh khối quốc doanh:

Tổng diện tích cao su kinh doanh là 3.434,86 ha (không bao gồm diện tích dự án tại Campuchia và một số diện tích nằm trong quy hoạch thu hồi của UBND tỉnh).

- Vườn cây xếp loại A: 1.122,24 ha, tỷ lệ 32,67%;
- Vườn cây xếp loại B: 632,83 ha, tỷ lệ 18,42%;
- Vườn cây xếp loại C: 1.149,47 ha, tỷ lệ 33,46%;
- Vườn cây xếp loại D: 530,32 ha, tỷ lệ 15,44%

So với năm 2024 chất lượng vườn cây loại A giảm 12,35%, B giảm 1,83%, C tăng 12,14%, và vườn loại D tăng 2,04%.

Vườn xếp loại A, B chiếm tỷ lệ: 51,09% so với năm 2024 (65,27) giảm 14,18% nguyên nhân: Năm 2025 triển khai kiểm kê toàn bộ diện tích vườn cao su kinh doanh đánh giá đúng năng lực vườn cây (theo QT vườn cây cạo năm 1, 2 mới kiểm kê hàng năm; năm cạo từ năm 3 trở đi thì 4 năm kiểm kê lại 1 lần; Năm 2024 chỉ cập nhật cây gãy đổ); Theo tiêu chí đánh giá, vườn cây cạo năm thứ 3 phải đạt tỷ lệ cây cạo từ 95% trở lên mới được xếp loại A. Tuy nhiên, đối với các vườn cây đưa vào khai thác mù từ quý IV năm 2023, trong năm cạo thứ nhất chỉ có khoảng 50% số cây đủ tiêu chuẩn đưa vào cạo. Do đó, đến thời điểm năm cạo thứ 3, một số vườn vẫn chưa đạt tỷ lệ cây cạo 95%, ảnh hưởng đến kết quả phân loại vườn cây; Bên cạnh đó, một số vườn cây xuất hiện các loại bệnh hại như nấm hồng, bệnh rụng lá mùa mưa và bệnh Botryodiplodia, gây hiện tượng khô miệng cạo trên cây cao su. Tình trạng này làm giảm tỷ lệ cây cạo gia tăng số lượng cây không hiệu quả, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chung của vườn cây.

4.3. Công tác quản lý chất lượng tay nghề công nhân khai thác mù:

Trong năm 2025 không có tỷ lệ tay nghề yếu kém. Tỷ lệ tay nghề khá - giỏi: 97,77% tăng: 0,77% so với năm 2024. Tỷ lệ tay nghề loại trung bình: 2,23% giảm so với năm 2024 là 0,77%. Công nhân vi phạm chủ yếu các lỗi cạo sát, cạo cạn, cạo lệch, phạm nhẹ, không vuông tiền hậu, dày dăm... Công ty kiểm tra định kỳ hàng quý kịp thời nhắc nhở đơn vị chấn chỉnh lỗi vi phạm trên.

5. Công tác quản lý chất lượng và môi trường:

- Trong năm 2025, phát sinh 13 lần chênh lệch khối lượng mù nước, mù phụ quy khô vượt quy định theo Quy trình QT/KT06, tập trung tại một số đơn vị do các nguyên nhân liên quan đến khác biệt phương pháp cân, xử lý TSC và tồn mù bị đông tank chưa xử lý kịp thời.

- Chủ động tăng cường phối hợp với NMCB mù cao su để nâng cao chất lượng sản phẩm SVR nhằm mục đích hạn chế sản phẩm xuống cấp ảnh hưởng đến sản phẩm của Công ty. Thực hiện kiểm phẩm sản phẩm đạt: 26.372 mẫu, trong đó 9.236,609 tấn đạt; Sản phẩm rút cấp: 26,46 tấn chiếm 0,28%.

- Tiếp tục duy trì ổn định các hệ thống ISO 9001, 14001 và ISO/IEC 17025, đảm bảo không có lỗi nghiêm trọng. Đơn vị phối hợp tốt với BoA kiểm soát chất lượng mù, đồng thời duy trì hiệu quả các chứng nhận và nhãn hiệu đang áp dụng như công bố hợp chuẩn, Nhãn hiệu “Cao su Việt Nam”, VietGAP, các chứng nhận liên quan khác và hoàn thiện quy trình quản trị nội bộ.

- Công tác quản lý môi trường được triển khai đúng quy định, các hoạt động quan trắc và báo cáo được thực hiện đầy đủ, các thông số môi trường cơ bản nằm trong giới hạn cho phép. Chủ động phối hợp các đơn vị kiểm soát vận hành hệ thống xử lý chất thải; Tuy nhiên, tiến độ thực hiện một số hồ sơ pháp lý về môi trường và

tài nguyên nước còn chậm, cụ thể: là hồ sơ tích hợp, điều chỉnh bổ sung giếng khoan tại Nhà máy chế biến mủ cao su và hồ sơ ĐTM dự án trồng mới cao su xen cà phê tại Cư Mgar.

6. Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách và pháp chế, bảo vệ:

- Thực hiện công tác sắp xếp giải thể CNNT Cuôr Đăng để sáp nhập vào CNNT Phú Xuân; giải thể Ban TC-XTĐT và sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ của phòng Kỹ thuật, QLCL và TCKT Công ty nhằm tinh gọn bộ máy. Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, tham mưu HĐQT bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng ban Công ty và Chi nhánh; đảm bảo đúng quy trình, quy định.

- Tổng số lao động toàn Công ty tính đến 31/12/2025 là 2.520 người (bao gồm cả số lao động của Dakmoruco). Trong đó, Nam: 1.084 người; Nữ 1.436 người; lao động gián tiếp: 288 người (chiếm 11,42% - không tính bảo vệ); Bảo vệ 96 người; lao động trực tiếp 2.136 người; lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số: 1.073 người (chiếm 42,6%), là cơ sở để Công ty đề nghị miễn giảm tiền thuê đất nông nghiệp theo Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

- Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty đạt: 9,41 triệu đồng/KH 8,41 triệu đồng/người/tháng làm việc, đạt 111,8% kế hoạch. Tiền lương được chi trả đầy đủ, kịp thời. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế trả lương gắn với năng suất, hiệu quả công việc và đặc thù từng vị trí;

- Đã hoàn tất việc trích nộp toàn bộ số tiền nợ cho cơ quan BHXH. Xây dựng phương án điều chỉnh mức trích đóng BHXH năm 2025. Hướng dẫn lập danh sách chi trả bổ sung chế độ ốm đau, thai sản cho người lao động. Đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động về bảo hiểm ốm đau, thai sản theo quy định. Tổng hợp danh sách lao động dân tộc thiểu số năm 2024 để hoàn thiện hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất cho năm 2025. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và huấn luyện ATVSLĐ cho toàn bộ người lao động. Thực hiện đối thoại định kỳ tại Hội nghị người lao động cấp Chi nhánh và cấp Công ty theo quy định.

- Tập trung giải quyết các vụ việc liên quan đến tranh chấp vườn cây, vi phạm hợp đồng liên kết, vi phạm hợp đồng trồng xen; nhằm bảo đảm quyền, lợi hợp pháp của Công ty; nhiều hồ sơ pháp lý về đất đai đã được rà soát, hoàn thiện và xử lý dứt điểm theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật; từng bước giải quyết căn bản các vụ việc tranh chấp, lấn chiếm tồn đọng, kéo dài nhiều năm.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch đảm bảo ANTT, đảm bảo công tác PCCC; kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy theo đúng quy trình, quy định, không để xảy ra các vụ việc cháy nổ. Tham mưu Lãnh đạo Công ty chỉ đạo các đơn vị ký kết Quy chế phối hợp với chính quyền địa phương

và lực lượng Công an xã, phường nơi đơn vị đứng chân.

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Năm 2025, Công ty triển khai các hạng mục đầu tư các công trình trọng điểm phục vụ Dự án Cư Mgar; thực hiện sửa chữa, cải tạo các hạng mục tại các Chi nhánh và Văn Phòng Công ty. Đa số các hạng mục tại Nông trường Cư Kpô, Cư Bao, Phú Xuân và dự án đồi 600 (Cư M'gar) đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Đặc biệt, các công trình trọng điểm như hệ thống điện, hệ thống tưới cà phê, đường giao thông nội vùng và hồ chứa nước đã hoàn tất, góp phần ổn định sản xuất.

- Một số dự án vẫn đang thực hiện như: Kè chống sạt lở (30%), cải tạo phòng QLCL (40%). Riêng hạng mục mở rộng kho thành phẩm tại Nhà máy mủ cao su đang trong bước lựa chọn nhà thầu.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thiện thủ tục pháp lý để giải quyết dứt điểm công tác quyết toán theo kế hoạch.

8. Công tác triển khai chương trình phát triển cao su bền vững:

Năm 2025, tiếp tục duy trì chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC-FM/CoC với 1.121,76ha và hoàn tất thủ tục chứng nhận mở rộng thêm 1.687,44ha tại các Nông trường; duy trì chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm FSC-CoC tại Nhà máy chế biến mủ cao su. Các biện pháp phục hồi rừng được triển khai phù hợp, hiệu quả và đúng định hướng FSC cũng như thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2023-2027; 2025-2030. Kế hoạch phục hồi rừng cơ bản đã đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao giá trị rừng trong dài hạn. Đã hoàn thiện cập nhật tính hợp pháp của vùng nhận dạng theo yêu cầu của EUDR và đã xuất khẩu một số lô hàng theo yêu cầu của EUDR đều đáp ứng yêu cầu đề ra.

9. Công tác hành chính quản trị, chuyển đổi số:

- Thực hiện tiếp nhận, lưu chuyển hệ thống văn bản đến, đi đúng quy định. Năm 2025. Duy trì ổn định phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong quản lý, góp phần rút ngắn thời gian lưu chuyển và xử lý văn bản, tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí; Duy trì ổn định hệ thống thông tin, các phần mềm quản lý từ Công ty đến các đơn vị.

- Năm 2025, triển khai thiết lập Fanpage Công ty và đưa thông tin, hình ảnh hoạt động trên nền tảng số kịp thời đã tạo hiệu ứng lan tỏa tốt, góp phần nâng cao uy tín và xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty.

- Thực hiện chương trình chuyển đổi số của Công ty theo kế hoạch, bên cạnh đó tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp các chức năng phần mềm quản lý đang vận hành, tiếp tục triển khai phối hợp với đơn vị tư vấn và các phòng ban, chi nhánh hoàn thiện và vận hành phần mềm quản lý vườn cây, phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương theo tiến độ kế hoạch đã đề ra.

- Theo dõi sử dụng xe con phục vụ công tác thông qua hệ thống định vị GPS, qua đó kịp thời nhắc nhở các phòng ban, đơn vị sử dụng xe hiệu quả, đúng mục đích. Tổng nhiên liệu xăng, dầu sử dụng phục vụ công tác toàn Công ty năm 2025 (qua hệ thống GPS): 30.940 lít xăng dầu, tăng 8,76% so với cùng kỳ năm 2024. Công tác lễ tân, khánh tiết, phục vụ được thực hiện trên cơ sở kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và thực hành tiết kiệm.

10. Công tác quản lý hoạt động trồng xen trong vườn cao su:

- Tổng diện tích cho hợp đồng trồng xen trên vườn cao su là: 3.896,63ha. Các phòng ban, đơn vị phát huy vai trò trách nhiệm trong quản lý hoạt động trồng xen trên vườn cây cao su, chủ động kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các vụ việc vi phạm làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây cao su cũng như thiệt hại đến cây cao su. Bên cạnh đó các chủ thể, đối tác trồng xen cũng đã nhận được sự hỗ trợ, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi từ phía Công ty, đơn vị, quan hệ hợp tác giữa hai bên được củng cố, duy trì tốt, hoạt động trồng xen của các đối tác đạt hiệu quả cao, tình hình ANTT trên địa bàn ổn định. Tuy nhiên, một số đối tác còn vi phạm về khoảng cách trồng xen (bằng 15m); sử dụng công nghệ máy bay để phun thuốc lên diện tích trồng xen (NT CưMgar).

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty con và chi nhánh đặc thù:

11.1. Công ty Dakmoruco:

- Năm 2025, tổng sản lượng mủ cao su khai thác thực hiện 3.338 tấn/KH 3.000 tấn mủ quy khô, đạt 111,2% KH, tăng 9,2% so với năm 2024. Năng suất bình quân: 2,054 tấn/ha tăng 5,7% so với năm 2024; tổng doanh thu: 21,09 tỷ riel, đạt 106,5%KH; lợi nhuận trước thuế 4,24 tỷ riel, đạt 106,8%KH.

- Vườn cây cao su được đầu tư, chăm sóc theo kế hoạch, kiểm soát quy trình khai thác theo đúng kỹ thuật, duy trì sự phát triển ổn định của vườn cây.

- Đã thực hiện chuyển tiền lợi nhuận năm 2024 về Công ty mẹ số tiền là 1,928 triệu USD. Thực hiện ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Sacombank (Cambodia) Plc; giá trị: 3.000.000,00 USD (Ba triệu đô la Mỹ) đã hoàn thiện để chuyển về Công ty mẹ Dakruco.

11.2. Nhà máy Chế biến chỉ thun:

- Năm 2025, tình hình SXKD của Chi nhánh gặp nhiều khó khăn về đơn hàng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, sự cố của dây chuyền chế biến và chất lượng sản phẩm sợi chỉ thun đã tác động đến tình hình SXKD của Nhà máy. Sản lượng chế biến 1.682 tấn đạt; 67,28%KH; xuất bán 1.665 tấn, đạt 66,6%KH. Doanh thu 121 tỷ đồng, đạt 76,44%KH. Kết quả kinh doanh lỗ -10,1 tỷ đồng.

- Công tác thu hồi công nợ khách hàng thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết. Qua công tác bán hàng và nhu cầu từ khách hàng, việc ưu tiên thanh toán chậm

cho một số đối tác cũng là một trong những biện pháp để duy trì và phát triển khách hàng của chi nhánh..

11.3. Chi nhánh Nông trường Cư Bao:

- Sản lượng chuối xanh thu hoạch và xuất bán 1.464,36 tấn/KH 1.433,44 tấn, đạt 102,16 % kế hoạch năm (KH đã được giảm); Sản lượng dừa MD2: 241,763 tấn/ KH 168,810 tấn, đạt 143,22%; sản lượng sầu riêng đạt 26,811 tấn/284,15 tấn đạt 9,44%.

- Vườn sầu riêng kinh doanh đạt 90% cây đưa vào kinh doanh để trái cho niên vụ năm 2026 và đến thời điểm hiện tại toàn bộ vườn cây đã ra hoa từ 90 đến 92% số cây dự kiến để trái.

- Thực hiện chăm sóc làm cỏ, bón phân, tưới nước, phun phòng trừ sâu rầy, thực hiện chắn gió cho từng cây đảm bảo sinh trưởng phát triển tốt cho vườn sầu riêng KTCB đối với vườn sầu riêng trồng mới 2025 diện tích 50,05 ha và diện tích 11,73 ha sầu riêng trồng năm 2024.

- Vườn cây cà phê trồng năm 2025 xen trong 11,73 ha sầu riêng vườn cây sinh trưởng phát triển tốt.

11.4. Khách sạn DAKRUCO:

Năm 2025, Khách sạn tiếp tục triển khai kế hoạch kinh doanh, phát triển khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Kết quả kinh doanh trong năm với doanh thu 21,36 tỷ đồng/ KH 23,7 tỷ đồng, đạt 90% KH, doanh thu giảm 6,1% so với năm 2024; công suất phòng bình quân đạt 43,3%. Kết quả kinh doanh lỗ -2,84 tỷ đồng; giảm lỗ 1,6 tỷ đồng. Thực hiện 100% công tác thu hồi công nợ khách hàng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt nhiều kết quả tích cực so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên:

1.1. Sản lượng mủ cao su: 8.571,88 tấn đạt 112,4% KH.

1.2. Doanh thu sản phẩm cao su: 409,83 tỷ đồng đạt 127,9 %KH.

1.3. Tổng doanh thu: 709,75 tỷ đồng/KH năm là 697,54 tỷ đồng, đạt 101,75% KH năm; tăng 10,7% so với năm 2024 (tương đương 68,63 tỷ đồng).

1.4. Lợi nhuận trước thuế: 89,01 tỷ đồng/KH năm là 80,22 tỷ đồng, đạt 110,95% KH năm; tăng 76,97% so với năm 2024 (tương đương 38,71 tỷ đồng).

1.5. Doanh thu trái cây: 19,48 tỷ đồng, đạt 58% KH.

1.6. Thu nhập bình quân: 9,4 triệu đồng đạt 118% KH.

1.7. Triển khai và hoàn thành công tác trồng mới Dự án cao su trồng xen cà phê tại Nông trường Cư Mgar.

1.8. Việc thoái vốn thành công cổ phiếu DRI; Giải ngân vốn vay hoàn trả tái canh cao su làm cho tình hình tài chính Công ty lành mạnh trở lại.

2. Bên cạnh những kết quả đã đạt được cũng còn những khó khăn, tồn

tại ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty:

2.1. Các chỉ tiêu về sản lượng sợi chỉ thun và sản lượng sầu riêng không đạt được kế hoạch. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Khách sạn và Nhà máy Chế biến Chỉ thun chưa đạt như kỳ vọng.

2.2. Thủ tục cấp đổi Giấy CNQSD đất còn chậm ảnh hưởng đến việc cấp Giấy phép môi trường tại Nhà máy Chế biến mủ cao su và việc giải ngân vốn vay Dự án Cur Mgar.

2.3. Việc gia hạn giấy phép khai thác nước ngầm tại Nhà máy CB chỉ thun chưa thực hiện được ảnh hưởng đến công tác sản xuất tại Nhà máy.

2.4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận ĐTM tại Dự án Cur Mgar vẫn chưa thực hiện được.

2.5. Một số nội dung khắc phục Kết luận Thanh tra 7337-KL/UBND của UBND tỉnh gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

I. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

1.1. Tổng Sản lượng mủ cao su:	8.772,87 tấn, trong đó
- Cao su tự khai thác:	6.600,64 tấn
- Cao su mua của các hộ + thu nợ đầu tư:	172,23 tấn
- Cao su thu mua ngoài:	2.000,00 tấn

1.2. Tổng sản lượng mủ cao su chế biến: 9.772,87 tấn (bao gồm sản lượng cao su nhận gia công: 1.000,00 tấn).

1.3. Sản lượng sợi chỉ thun cao su sản xuất và xuất bán: 2.500,00 tấn

1.4. Sản lượng các loại cây ăn quả sản xuất và xuất bán: 751 tấn. Trong đó:

- Sản lượng Sầu riêng:	700 tấn
- Sản lượng Cau:	51 tấn

1.5. Sản lượng mủ cao su Dakmoruco: 3.200 tấn. mủ cao su quy khô.

1.6. Tổng doanh thu: 814,22 tỷ đồng. Trong đó:

- Doanh thu bán mủ cao su	:	414,8 tỷ đồng
- Doanh thu bán cao su sợi chỉ thun:		179,61 tỷ đồng
- Doanh thu dịch vụ khách sạn	:	26,47 tỷ đồng;
- Doanh thu sản phẩm trái cây	:	36 tỷ đồng;
- Còn lại doanh thu hợp đồng trồng xen, hoạt động tài chính và thu nhập khác.		

1.7. Lợi nhuận trước thuế: 91,22 tỷ đồng.

1.8. Thu nhập bình quân CBCNV: 9,8 triệu đồng/người/tháng làm việc.

2. Các chỉ tiêu về đầu tư và phát triển:

2.1. Triển khai trồng xen 283,35 ha cà phê tại Nông trường Cư M'Gar.

2.2. Triển khai trồng 23,47 ha Sầu riêng và 73,52ha cà phê trồng xen trong vườn sầu riêng tại Dự án NNCNC.

2.3. Tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ để được chứng nhận đầu tư Dự án Nông nghiệp Công nghệ cao tại NT Cư Bao.

2.4. Tiếp tục phối hợp các Sở, ngành để được phê duyệt hồ sơ thuê đất sau cổ phần hóa, đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh diện tích... cho toàn bộ diện tích tại các chi nhánh.

2.5. Thực hiện các thủ tục thanh lý diện tích 616,44 ha cao su theo lộ trình để chuyển đổi trồng Sầu riêng, Cà phê và các cây trồng khác.

2.6. Hoàn tất thủ tục đầu tư; chuẩn bị nguồn vốn để thành lập Công ty TNHH Chế biến Cà phê DakRo.

2.7. Dakmoruco tiếp tục triển khai công tác đầu tư XD CB theo kế hoạch và tiến hành làm các thủ tục, hồ sơ xây dựng nhà máy chế biến mù giai đoạn I; Phối hợp với Công ty mẹ để khảo sát đất trồng và tiến hành đàm phán với các bên liên quan về thủ tục thuê đất cho Dự án trồng cà phê.

2.8. Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt Hệ thống QLCL, quản lý MT theo tiêu chuẩn ISO; Chứng nhận nhãn hiệu Cao su Việt Nam; chứng nhận Quản lý rừng bền vững FSC-FM/CoC; chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm FSC-CoC; hoàn thiện hồ sơ để đáp ứng quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR); tiếp cận thị trường tín chỉ carbon.

2.9. Tiếp tục khắc phục các tồn tại, khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND của UBND tỉnh.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giải pháp kỹ thuật và tổ chức sản xuất:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác BVTV trên vườn cây kết hợp với áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả phòng, trị sâu, bệnh hại trên vườn cây. Áp dụng quy trình IPM trong quản trị sâu, bệnh hại. Ưu tiên phòng bệnh hơn chữa bệnh, tránh bệnh hại lây lan trên diện rộng trở thành dịch hại, phát triển tăng cấp độ bệnh hại. Nghiêm túc thực hiện 4 đúng trong việc sử dụng thuốc BVTV và phân bón.

- Quản lý chặt chẽ đến từng vườn cây; tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu, để gia tăng sản lượng khai thác, nhằm gia tăng lợi nhuận. Đảm bảo được chất lượng vườn cây, cho sản lượng khai thác có hiệu quả trong năm và cho các năm sau.

- Kiểm soát khối lượng, chất lượng nguyên liệu ngay từ vườn cây đến nhà máy; hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất trong chống đông, đánh đông và các phụ gia trong quá trình sản xuất; Sử dụng củi cung cấp khí nóng cho quá trình sấy mù, hạn chế tối đa việc sử dụng nhiên liệu dầu DO; Sử dụng điện sản xuất vào các khung

giờ thấp điểm nhằm tiết kiệm tối đa chi phí. Đầu tư điện mặt trời để giảm sử dụng điện lưới; khảo sát đánh giá và đầu tư cải tạo dây chuyền chế biến chế biến mủ cao su theo hướng tự động hóa kết hợp sử dụng công nghệ AI.

- Thực hiện khai thác theo khuyến cáo của Viện nghiên cứu cao su Việt Nam, nhằm khai thác tối ưu sản lượng mủ ở từng tuổi cây.

- Nghiên cứu thay đổi quy trình canh tác, khai thác mủ cao su theo hướng giảm phát thải và tuần hoàn; tiếp cận thị trường carbon để bán tín chỉ ra thị trường.

- Duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu Dakruco trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường kiểm soát năng lực vườn cây để duy trì và mở rộng phạm vi chứng nhận FSC-FM/CoC và FSC-CoC đối với sản phẩm mủ và gỗ cao su đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thị trường.

- Kiểm soát chất lượng với những sản phẩm thể mạnh như SVR10, SVR3L; đẩy mạnh công tác sản xuất và duy trì chất lượng ổn định đối với SVR CV60; nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới theo thị hiếu khách hàng như SVR CV50.

- Đối với cà phê, triển khai kỹ thuật canh tác cà phê phát thải thấp, đáp ứng tiêu chuẩn cà phê 4C (Common Code for the Coffee Community).

- Đối với sầu riêng, triển khai thủ tục để cấp mã vùng trồng và mã cơ sở đóng gói; hợp tác đầu tư Trung tâm kiểm nghiệm và thẩm định chất lượng nông sản xuất khẩu...

2. Giải pháp về thị trường

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu thị trường, nắm bắt kịp thời nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, tạo thế chủ động trong thương mại quốc tế; chú trọng công tác xúc tiến thương mại, các chương trình giao thương, kết nối, hợp tác thương mại về các sản phẩm của Công ty; áp dụng công nghệ, phần mềm và AI vào hoạt động nghiên cứu thị trường, nâng cao hiệu quả vận hành và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Tăng cường công tác quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu, mở rộng khách hàng tại các thị trường tiềm năng, đặc biệt chú trọng các sản phẩm mủ FSC-FM/CoC, sản phẩm trái cây, sản phẩm cà phê, sản phẩm chi thun; các sản phẩm phát thải carbon thấp...; Tăng cường công tác khai thác thị trường để khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty ngày càng nhiều hơn, đảm bảo công tác bán hàng được chủ động hơn và giá bán được tốt hơn.

- Phân đầu làm tốt công tác thị trường (tìm kiếm khách hàng) nước ngoài để sản phẩm mủ cao su xuất khẩu đạt trên 45% sản lượng xuất bán; từng bước nâng dần sản lượng sản phẩm cao su FSC-FM/CoC, sản phẩm cà phê, sầu riêng, chi thun trên thị trường Quốc tế, khẳng định chất lượng sản phẩm và thương hiệu của Dakruco trên trường Quốc tế.

3. Giải pháp về quản lý chi phí

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng

thêm sức cạnh tranh trên thị trường.

- Kiểm soát và theo dõi chi phí thường xuyên: Theo dõi chi phí định kỳ (tuần/tháng); So sánh thực tế so với kế hoạch để phát hiện vượt chi; Quy định rõ thẩm quyền về phê duyệt chi phí.

- Quản lý mua sắm và nhà cung cấp: So sánh giá từ nhiều nhà cung cấp; Đàm phán hợp đồng dài hạn để có giá tốt hơn; Tránh mua dư thừa, kiểm soát tồn kho.

- Chú trọng công tác kiểm soát rủi ro tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, khắc phục và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Sử dụng tốt hơn tài sản cố định, đầu tư thêm công nghệ hiện đại và sử dụng tối đa công suất để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, các tài sản không cần dùng nên tiến hành thanh lý để tránh vốn chết.

- Có chế độ khuyến khích hợp lý cho người lao động để gia tăng năng suất lao động, gia tăng tối đa lợi nhuận và đảm bảo đời sống của NLD ngày càng tốt hơn.

4. Giải pháp cho hoạt động đầu tư

- Tiếp tục huy động vốn cho đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau như nguồn vốn xanh, từ các tổ chức tín dụng, từ các đối tác hợp tác liên doanh...đảm bảo nguồn vốn đầu tư không bị thiếu hụt và chi phí lãi vay ở mức tốt nhất; Tăng tỷ lệ vay trung dài hạn trong cơ cấu nợ vay, kết hợp với phương thức thuê tài chính, để giảm áp lực vốn đầu tư tự có của Công ty.

- Đánh giá dự án đầu tư thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình trước khi triển khai đầu tư, hạn chế thấp nhất rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Lập kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn: Phân bổ nguồn lực đầu tư theo tiến độ cụ thể, ưu tiên các bộ phận ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Giãn tiến độ đầu tư các dự án hoặc các hạng mục công trình chưa cấp thiết để đảm bảo cân đối nguồn vốn của Dakruco, tập trung triển khai thực hiện các dự án, hạng mục công trình trọng điểm, thiết yếu phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm tối đa chi phí.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay và nguồn vốn tự có của công ty để đầu tư các công trình trọng điểm, đảm bảo chi phí đầu tư đúng nguồn vốn (hạn chế tối đa việc sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn).

- Cân đối dòng tiền trong quá trình đầu tư, trường hợp không có nguồn đầu tư từ vốn vay ngân hàng thì Công ty sẽ giãn tiến độ đầu tư.

5. Giải pháp về công tác quản lý tài chính

- Tiếp tục quản lý, sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn vốn, tài sản của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Sử dụng nguồn vốn, tài sản đúng mục đích, đầu tư có hiệu quả các công trình và dự án. Đổi mới, quản lý chặt chẽ công tác đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án công trình theo đúng kế hoạch và đảm bảo trình tự quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

- Thực hiện công khai, minh bạch tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh

doanh của Công ty đến toàn bộ người lao động và công khai thông tin theo đúng quy định về công bố thông tin hiện hành.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị tài chính, bảo đảm minh bạch, hiệu quả, thực hiện đúng quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý tài chính. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý công nợ và các quy định về quản lý nội bộ, xây dựng định mức chi phí phù hợp; tăng cường quản lý, kiểm tra và giám sát không để thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

- Chú trọng công tác kiểm soát rủi ro tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, khắc phục và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Tăng cường quản lý việc giao khoán tại các chi nhánh trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được Công ty phê duyệt, nhằm đưa công tác quản lý đi vào chiều sâu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, không ngừng nâng cao chất lượng. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động một cách hợp lý gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Sử dụng tốt hơn tài sản cố định, đầu tư thêm công nghệ hiện đại và sử dụng tối đa công suất để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, các tài sản không cần dùng nên tiến hành thanh lý để tránh vốn chết.

6. Các giải pháp trong công tác nhân sự, pháp chế:

- Tập trung kiện toàn, tinh gọn bộ máy tổ chức và nhân sự; rà soát, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ nhằm đảm bảo tính thượng tôn pháp luật và tương thích với mô hình vận hành mới. Đồng thời, đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, sẵn sàng đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

- Ban hành chính sách thu hút, giữ chân người lao động để hỗ trợ các chi nhánh đủ lao động trực tiếp sản xuất, khai thác mỏ.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất các chi nhánh nhằm bảo đảm các chế độ chính sách đến người lao động.

- Chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết xử lý nghiêm những tiêu cực nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong toàn Công ty.

- Tăng cường công tác pháp chế, làm tốt công tác đối thoại định kỳ; kịp thời giải quyết đơn thư KNTC phát sinh, tránh kéo dài, vượt cấp gây phức tạp tình hình.

- Duy trì và phát huy mối quan hệ phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng, nhất là lực lượng Công an trong công tác bảo vệ ANCT – TTATXH. Đảm bảo công tác tuần tra, canh gác trên các lĩnh vực hoạt động, nhất là công tác quản lý bảo vệ sản phẩm.

- Phối hợp với các ngành chức năng của các huyện có liên quan để thực hiện giải quyết các hồ sơ tranh chấp, lấn chiếm đất đai, phá hoại vườn cây cao su, ANTT trên địa bàn Công ty...

- Tiếp tục khắc phục các tồn tại khuyết điểm theo Kết luận 7337/KL-UBND của UBND tỉnh và kế hoạch khắc phục, xử lý triệt để hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Nhất Thống.

7. Các giải pháp ứng dụng đề tài khoa học, công nghệ trong SX và quản lý:

- Ứng dụng các giải pháp khoa học, các đề tài nghiên cứu, các ứng dụng hữu ích trong kỹ thuật chăm sóc, khai thác, chế biến cao su; trong chăm sóc, chế biến các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Nhất là nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ trong khai thác mủ cao su để giải quyết bài toán thiếu hụt lao động.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số, đồng bộ các hệ thống quản lý như: Quản lý vườn cây; Bản đồ số (GIS) và Quản trị nhân sự - tiền lương. Kiến tạo nền tảng dữ liệu số vững chắc trên mọi lĩnh vực sản xuất, giúp công tác quản trị trở nên minh bạch, chính xác và bám sát lộ trình đã được phê duyệt.

- Liên tục cải tiến và tối ưu hóa các công cụ quản lý hiện hành, hoàn thiện hệ thống Văn phòng điện tử. Duy trì và đảm bảo sự ổn định của hệ thống hạ tầng thông tin, chú trọng công tác bảo mật dữ liệu và an ninh mạng, tạo điểm tựa tin cậy cho mọi hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

8. Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể:

Tiếp tục phối hợp với các tổ chức đoàn thể trên cơ sở hoạt động theo chức năng, điều lệ của mỗi tổ chức để triển khai chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến người lao động. Thực hiện tốt Nội quy lao động, TULĐTT, và Quy chế dân chủ cơ sở, đối thoại định kỳ nhằm tạo mối quan hệ lao động ổn định, dân chủ, hài hoà trong doanh nghiệp. Thường xuyên phối hợp với Công đoàn Công ty trong phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất; lao động sáng tạo; động viên khen thưởng kịp thời cho người lao động, nhằm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. Hỗ trợ kinh phí để các tổ chức đoàn thể có điều kiện chăm lo tốt hơn cho đời sống người lao động.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; các chỉ tiêu biểu quyết, các giải pháp thực hiện của Ban Điều hành trình ĐHĐCĐ xem xét cho ý kiến để Ban Điều hành tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh

BÁO CÁO

Kết quả báo cáo tài chính năm 2025 của Dakruco đã được kiểm toán

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 (Riêng) của Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk, lập ngày 25/03/2026 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng Quản trị Công ty Cao su Đắk Lắk xin báo cáo Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về Báo cáo tài chính (Riêng) của Công ty mẹ năm 2025 đã được kiểm toán với các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2025

- 1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- 1.2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 1.3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- 1.4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2025;
- 1.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2025;
- 1.6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025;

1.7. Các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm 2025 của Dakruco đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại chứng thư số 20/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES ngày 25/03/2026, gồm các chỉ tiêu cơ bản sau:

a) Tổng tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2025

Nội dung	Số cuối năm (31/12/2025)	Số đầu năm (01/01/2025)
Tổng tài sản	2.407.279.975.102	2.368.153.133.230
I. Tài sản ngắn hạn	271.216.651.240	188.392.991.717
II. Tài sản dài hạn	2.136.063.323.862	2.179.760.141.513
Tổng Nguồn vốn	2.407.279.975.102	2.368.153.133.230
I. Nợ phải trả	719.462.608.658	683.122.352.715
1. Nợ ngắn hạn	279.960.054.489	459.838.546.816
2. Nợ dài hạn	439.502.554.169	223.283.805.899
II. Vốn chủ sở hữu	1.687.817.366.444	1.685.030.780.515
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	53.247.622.491	38.093.910.491
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	76.569.743.953	88.936.870.024
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	110.813.425	38.424.496.542
- LNST chưa phân phối kỳ này	76.458.930.528	50.512.373.482

b) Kết quả kinh doanh năm 2025

MS	Nội dung	Năm nay (năm 2025)	Năm trước (năm 2024)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	607.107.608.166	559.070.728.553
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	93.333.450	47.312.499
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	607.014.274.716	559.023.416.054
11	Giá vốn hàng bán	538.599.435.689	485.567.050.953
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	68.414.839.027	73.456.365.101
21	Doanh thu hoạt động tài chính	88.846.256.004	68.582.937.479
22	Chi phí tài chính	21.966.168.465	31.074.816.481
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	21.315.519.446	26.449.574.182
25	Chi phí bán hàng	11.260.143.148	10.125.832.932
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.043.276.178	30.679.328.120
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.991.507.240	70.159.325.047
31	Thu nhập khác	13.888.540.274	13.517.027.790
32	Chi phí khác	869.712.833	33.380.286.222
40	Lợi nhuận khác	13.018.827.441	(19.863.258.432)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89.010.334.681	50.296.066.615
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.417.628.456	
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	133.775.697	(216.306.867)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	76.458.930.528	50.512.373.482

(Các chỉ tiêu trên được thuyết minh tại Báo cáo tài chính (Riêng) năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc, được đính kèm công văn này và đã được đăng tải trên Website Công ty: <https://www.dakruco.com>).

2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập

2.1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Kiểm toán viên: “Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”.

2.2. Vấn đề khác

Kiểm toán viên lưu ý: “Người đọc Báo cáo kiểm toán độc lập rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như Kết quả kinh doanh (riêng) và Lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính



kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các Công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.”

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả báo cáo tài chính năm 2025 (Riêng) của Công ty CP Cao su Đắc Lắc đã được kiểm toán. Kính trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Viết Tượng





CTCP CAO SU ĐẮK LẮK
Số: /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BMT, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Về công tác kiểm soát năm 2025
(Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026)

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (viết tắt là DAKRUCO) và luật doanh nghiệp hiện hành;

- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty và quy chế hoạt động của BKS Công ty;

- Căn cứ kết quả kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2025.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 các nội dung như sau :

I/ Tình hình hoạt động của BKS năm 2025 :

Về nhân sự, BKS gồm có 03 thành viên được ĐHĐCĐ bầu theo nhiệm kỳ trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Do yêu cầu của công tác tổ chức, thành viên kiêm nhiệm được cổ đông lớn là UBND tỉnh giới thiệu và được ĐHĐCĐ biểu quyết thay đổi bổ sung vào ngày 26/06/2025.

BKS đã tiến hành giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế.

Các hoạt động của BKS cơ bản về các lĩnh vực:

- Giám sát sự phối hợp và tuân thủ của các cơ quan quản lý trong Công ty theo Điều lệ; Giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết HĐQT. Giám sát thực hiện khắc phục tình trạng khó khăn và ổn định tình hình tài chính phục vụ cho SXKD và các dự án đầu tư đang triển khai. Giám sát tiến độ tháo gỡ khó khăn vướng mắc pháp lý kiến nghị chưa được giải quyết về thuê đất, phê duyệt dự án đầu tư công nghệ cao, thay đổi giấy phép đầu tư ra nước ngoài, chính sách miễn giảm thuế .v.v.

- Giám sát về chuyển đổi mô hình sản xuất theo nghị quyết của HĐQT, Công tác triển khai hợp tác đầu tư trong một số lĩnh vực mới về chế biến nông sản, kiểm nghiệm trái cây, theo xu thế phát triển của kinh tế vùng và chế biến sâu để xuất khẩu. Công tác đầu tư XD CB và sửa chữa lớn.

- Giám sát công tác luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, tìm kiếm nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sản xuất nhất là công nhân khai thác và công nhân cho dự án trồng mới cao su xen cà phê. Giám sát các chính sách về người lao động đảm bảo tính công bằng, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Giám sát việc chấp hành và tuân thủ các kết luận của các cơ quan thanh kiểm tra của Nhà nước đối với Công ty. Sử dụng tài nguyên lợi thế, bí quyết công nghệ; Phát hiện ngăn ngừa xung đột lợi ích, giảm thiểu rủi ro, minh bạch thông tin.

- Nắm bắt tình hình SXKD quản lý sử dụng tài sản tại các công ty con và chi nhánh, ghi nhận và phản ánh những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong quá trình quản lý điều hành và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị.

- Trao đổi chia sẻ hướng dẫn các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kế toán tài chính với bộ phận các chi nhánh khi cần thiết.

- Tham gia kiểm soát thường xuyên tại Văn phòng Công ty, kiểm soát tại các đơn vị chi nhánh và Công ty con theo định kỳ và theo lịch trình đã đăng ký. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban với chuyên môn và các cuộc họp chuyên đề khác. Quá trình hoạt động BKS luôn tuân thủ đúng các quy định của Công ty và được Ban lãnh đạo tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện Công việc.

II/ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2025 :

I/ Đánh giá chung : Những tác nhân về bên ngoài gây khó khăn cho Công ty như chiến tranh thương mại, chiến tranh cục bộ, những thay đổi của cuộc cách mạng tinh giảm biên chế sát nhập tỉnh thành. Nhiều tồn tại về thủ tục của Công ty, do cơ quan Nhà nước xáo trộn sát nhập và chưa đi vào ổn định. Tuy nhiên, nội tại Công ty thì năm 2025 là một năm hoàn toàn khởi sắc kể từ sau khi cổ phần hoá đến nay. Vấn đề về mất cân đối tài chính và khó khăn về thanh khoản kéo dài trong nhiều năm đã được giải quyết, thông qua việc thoái vốn thành công cổ phiếu DRI với giá tốt nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Nhờ đó các nguồn tài trợ vốn cho dự án được nối lại, Công ty được các Ngân hàng xúc tiến cho vay hoàn vốn đầu tư và vay dự án triển khai mới. Công ty đã vượt qua giai đoạn thấp điểm của sản lượng và ngày càng gia tăng. Vườn cây luân chuyển từ đầu tư KTCB đưa vào kinh doanh ngày càng lớn. Giá cả cao su (sản xuất chính) bước đầu bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi. Chất lượng đầu tư vườn cây được nâng cao nhờ Công ty đã cân đối được tài chính và tăng mức đầu tư so với các năm trước. Thu nhập và các chế độ người lao động được quan tâm đúng mức đảm bảo mức sống khi điều kiện kinh doanh cho phép. Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ Nhà nước trong đó có việc trả hết nợ BHXH, nợ thuế và khoản nợ tiền cổ phần hoá nhiều năm chưa trả được.

Công ty đã mạnh dạn thay đổi luân chuyển bổ nhiệm cán bộ, thay đổi mô hình quản lý để phát huy tốt năng lực và sở trường, đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận để thay thế. Mạnh dạn thay đổi đối tượng cây trồng khi không còn hiệu quả để chuyên canh theo chiều sâu và định hướng dài hạn.

Tham quan nghiên cứu tìm kiếm các mô hình sản xuất mới (trồng xen cà phê); Tìm kiếm đối tác để Liên doanh hợp tác kiểm nghiệm và đóng gói trái cây; Tham quan tìm hiểu mô hình chế biến sâu cà phê theo hướng tuần hoàn. Triển khai các chương trình phát triển bền vững , năng lượng tái tạo, giảm phát thải, nghiên cứu tìm hiểu để triển khai chương trình tư vấn cấp chứng chỉ carbon rừng cao su.

Nhìn chung sau 01 năm tình hình Công ty đã có sự thay đổi hẳn, bộ mặt công ty khang trang, uy tín của Công ty được nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện. Công ty đang đứng trước một tâm thế mới, vị thế mới.

1/ Về hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã duy trì tốt công tác triển khai giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt định hướng về sản xuất kinh doanh và đầu tư. Duy trì chế độ họp HĐQT định kỳ hàng quý và lấy ý kiến biểu quyết theo quy định. Tổng số nghị quyết ban hành trong năm là 28 Nghị quyết, bình quân mỗi quý 07 nghị quyết thể hiện khối lượng nội dung công việc HĐQT đã xử lý là rất lớn.

Định kỳ HĐQT họp đều có chương trình nội dung và tài liệu gửi đến các thành viên để nghiên cứu chuẩn bị cho ý kiến thảo luận, Ban điều hành báo cáo tiến độ thực hiện các nghị quyết đã ban hành trong quý, chuẩn bị các nội dung tờ trình xin ý kiến của HĐQT theo thẩm quyền, các nội dung được thảo luận dân chủ chất lượng, ban hành nghị quyết kịp thời.

Một số nội dung trọng tâm :

- Về công tác cán bộ: Trong năm HĐQT đã bổ nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc 01 kế toán trưởng, lựa chọn 02 nhân sự quản lý giới thiệu giám đốc tại công ty DRI và Daklaoruco. Phê duyệt đề án luân chuyển cán bộ phòng ban và lãnh đạo đơn vị ngay đầu năm và ban hành nghị quyết về công tác luân chuyển bộ nhiệm cán bộ tại Nhà máy chi thun, phòng NSPC, các chi nhánh sau sát nhập tại Nông trường Phú Xuân, CuBao, CuMgar.

- Về mô hình quản lý: Quyết định sát nhập chi nhánh NT Cuôr Đăng về NT Phú xuân.

- Về mô hình đầu tư: Thay đổi định hướng đầu tư NN CNC tại NT CuBao. Thanh lý vườn chuối, dứa, mít chuyển sang trồng sầu riêng để thành Nông trường chuyên về Sầu riêng và áp dụng trồng xen cà phê theo mô hình mới để tăng hiệu quả.

- Về định hướng đầu tư dài hạn: Tìm kiếm đối tác thành lập công ty kiểm nghiệm và đóng gói xuất khẩu trái cây khi tiềm năng và nhu cầu trong lĩnh vực này tại địa phương rất lớn; Khảo sát và tìm kiếm đối tác thực hiện chế biến cà phê sâu phục vụ xuất khẩu khi diện tích cà phê dự kiến trong tương lai khoảng 1.000ha; Thực hiện các giải pháp về đầu tư năng lượng mặt trời cho 02 nhà máy; tập huấn nhận thức về chứng chỉ Carbon đón đầu xu thế, theo yêu cầu phát triển của xã hội.

- Về công tác tài chính: Chú trọng cân đối nguồn vốn, làm việc cụ thể với ngân hàng về vốn tài trợ các dự án, không để tình trạng sử dụng sai nguồn hoặc mất cân đối có thể lặp lại như trước đây.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo nghị quyết ĐHĐCD :

- Về thực hiện sản lượng: Chỉ tiêu trọng tâm là sản lượng mù cao su thực hiện 8.571,89 tấn/7.648,43 tấn đạt 112,07% KH năm. Trong đó khối quốc doanh đạt 102,8% kế hoạch năm. Sản lượng các loại trái cây và chi thun chiếm tỷ trọng nhỏ trong đó Sầu riêng và chi thun không đạt kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu về doanh thu : Tổng doanh thu năm 2025 là 715,48 tỷ/ 697,54 tỷ đồng, đạt 102,6% KH

- Lợi nhuận sau thuế : 89,01 tỷ đồng/KH năm là 80,22 tỷ đồng, đạt 110,95%.
- Công tác trồng mới: Hoàn thành kế hoạch trồng mới cao su: 763,79 ha; Trồng mới cả phê xen trong cao su : Diện tích trồng mới 242,23 ha .
- Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách : Tổng số tiền đã nộp 166 tỷ đồng/số phát sinh mới 95,8 tỷ đồng đạt 173%. Trong đó chuyển cổ tức 51,3 tỷ đồng, tiền cổ phần hoá 25 tỷ đồng, tiền thuế đất Nông nghiệp không được miễn giảm là 64,2 tỷ đồng; Thực hiện nộp BHXH: 43,1 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.
- Thu nhập người lao động: 9,1 triệu đồng/KH 8,41 triệu đồng/người/tháng làm việc, đạt 108,3% kế hoạch.

Đánh giá chung HĐQT đã sâu sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra.

2/ Về hoạt động của Ban điều hành Công ty.

Bộ máy điều hành trong năm có nhiều thay đổi: Miễn nhiệm 01 phó TGD, bổ nhiệm mới 02 Phó TGD và Kế toán trưởng. Tuy nhiên bộ máy quản lý đã nhanh chóng tiếp cận tốt công việc, có sự phân công rõ ràng, có sự đoàn kết và nỗ lực thực thi nhiệm vụ. cụ thể :

- Về tổ chức bộ máy tham mưu giúp việc : Ban điều hành đã tiến hành đánh giá năng lực khả năng sở trường và trình HĐQT phê duyệt đề án luân chuyển bố trí lại cán bộ phòng ban và đơn vị trong toàn ngành ngay từ đầu năm. Trong quá trình thực hiện tiếp tục tham mưu đề xuất luân chuyển thay đổi bổ nhiệm cán bộ tại các đơn vị chi nhánh NT 19/8 Phú Xuân, Cư Bao, Cư Mgar, Nhà máy CB chỉ thun và CT Dakmoruco. Những thay đổi nhân sự nêu trên đã phần nào thể hiện được sự hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành tại các đơn vị rõ nét nhất là tại Chi nhánh NT 19/8, đơn vị về nhất sản lượng năm 2025, sau nhiều năm yếu kém.

- Về công tác triển khai sản xuất: Thực hiện nắm bắt kịp thời tiến độ thực hiện sản lượng, diễn biến lực lượng lao động, tình hình dịch bệnh thời tiết để có chỉ đạo phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ của các đơn vị. Hàng quý qua công tác giao ban giải quyết các kiến nghị trong sản xuất đồng thời đánh giá những tồn tại chủ quan trong điều hành. Tổ chức các đợt thi đua phân đấu sản lượng theo quý gắn với thu nhập của người lao động và bộ phận quản lý, cao điểm là đợt thi đua nước rút trong quý 4 và cả năm.

- Về công tác trồng mới : Chuẩn bị triển khai sớm theo lịch thời vụ đồng thời thành lập ban chỉ đạo để xử lý kịp thời các phát sinh đảm bảo nắm bắt tiến độ. Chuẩn bị các điều kiện về vật tư phân bón, cây giống theo kế hoạch. Chỉ đạo kiên quyết giải toả mặt bằng đối với một số hộ vi phạm bằng hình thức bồi thường, cưỡng chế. Kết quả đã trồng mới xong 781,6 ha cao su và 244 ha cà phê.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản: Các công trình XD CB phục vụ cho dự án cà phê tại chi nhánh NT Cưmgar Như hệ thống đường điện, hệ thống máy bơm hồ nước, hệ thống đường ống dẫn, hệ thống tưới nhỏ giọt, đường lô ... Được triển khai đầu tư với khối lượng và thời gian hết sức gấp rút để kịp tiến độ sản xuất. Với diện tích lớn, dự án có độ dốc lớn nên công tác tưới nhỏ giọt bước đầu chưa đạt được hiệu quả mong muốn.

- Công tác chỉ đạo khắc phục những tồn tại: Ban điều hành đã nắm bắt và chỉ đạo các phòng ban và kể cả thuê tư vấn để hoàn thành các nội dung quan trọng đó là hoàn thành việc xin đổi giấy phép đầu tư ra nước ngoài; Xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Xin cấp giấy phép về môi trường, xin khai thác nước ngầm tại 02 nhà máy và dự án trồng cà phê đối 1 và đối 5 Nông trường CuMgar; Xin báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án trồng mới cao su CuMgar. Tiếp tục làm việc với các sở về cấp phép dự án đầu tư công nghệ cao.

- Công tác quản lý đất đai: Tập trung xử lý công tác thu hồi bàn giao 60 ha đất cao su cho trại giam Bộ công an. Công ty cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất của Huyện đã kiên trì hiệp thương với dân 03 lần để tìm phương án tối ưu dung hoà lợi ích và phù hợp với quy định về đền bù của nhà nước. Dưới sức ép về tiến độ thời gian giao trả mặt bằng của bên Công an (Cơ quan chủ đầu tư) và vận động, chia sẻ của ban đền bù cuối cùng người dân cũng chịu nhận tiền đền bù giao mặt bằng cho chủ dự án. Ngoài nội dung trên Ban điều hành đã ban hành và thực hiện khắc phục các nội dung liên quan đến đất đai theo kết luận 7337-KL/UBND.

- Về phát triển các dự án theo chủ trương của HĐQT:

Ban điều hành đã nghiên cứu và tìm kiếm các đối tác có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các đề án thành lập Công ty TNHH để kiểm nghiệm và đóng gói trái cây; Công ty chế biến cà phê tươi kết hợp sản xuất phân bón từ chất thải cà phê khi dự tính mô hình cà phê trồng xen có thể lên đến trên 1.000ha; Thực hiện triển khai đầu tư năng lượng tái tạo để tiết kiệm chi phí sản xuất tại nhà máy Chế biến mủ và nhà máy CB Chỉ thun cao su.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, HĐQT công ty, Ban điều hành đã chủ động và thực hiện tốt vai trò trách nhiệm. Thường xuyên nắm bắt và xử lý tốt tình huống trong quản lý điều hành, nội bộ đoàn kết phối hợp và tuân thủ tốt. Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu ĐHCĐ thường niên cũng như nghị quyết của HĐQT đề ra. Các chỉ tiêu được thể hiện rõ theo báo cáo Ban điều hành đã trình bày trước cuộc họp ĐHCĐ. Đây là một năm thành công của Công ty và đương nhiên có sự đóng góp lớn của Ban điều hành và phòng ban Công ty.

3/ Về kiểm soát các hợp đồng giao dịch nội bộ :

Năm 2025 Công ty không có phát sinh các giao dịch về mua bán, cung cấp dịch vụ giữa Công ty với người nội bộ và người có liên quan theo quy định của pháp luật tại Công ty.

Hiện nay Công ty đang có nghĩa vụ nợ với công ty con DRI thông qua hợp đồng vay vốn từ năm trước là 80 tỷ đồng. Đây là hợp đồng trung hạn, Công ty sẽ lưu ý về tiến độ trả nợ theo nghĩa vụ đã cam kết, hoặc có thể trả trước khi dòng tiền trong kinh doanh tốt hơn.

4/ Tình hình tài chính công ty:

- Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt thẩm định và phát hành. Báo cáo kiểm toán là tài liệu được phát hành đến tận cổ đông và được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Về cơ bản tình hình tài chính đã được tái cấu trúc các khoản nợ chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn phù hợp với giá trị tài sản vườn cây đang đầu tư. Nợ ngắn hạn 279,9 tỷ đồng so với đầu kỳ 459,8 tỷ đồng giảm 179,8 tỷ đồng tương đương giảm 39,2 %. Nợ dài hạn 439,5/223,3 tỷ đồng tăng 216,2 tỷ đồng tương đương tăng 96,8%. Tổng dư nợ: đầu năm 683,1 tỷ đồng cuối năm 719,5 tỷ đồng tăng số tuyệt đối 36,4 tỷ đồng.

- Tiền và khoản tương đương tiền cuối năm: 99,12 tỷ đồng. Công ty đã thoái vốn thành công bằng việc bán cổ phiếu DRI và cao su Thái Dương thu về 188 tỷ đồng. Từ đó Công ty ưu tiên xử lý nợ ngắn hạn và cũng ngân hàng tái cơ cấu nợ thành công, tình hình tài chính đã lành mạnh trở lại.

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,97 lần (đầu kỳ: 0,41). Cho thấy khả năng thanh toán của Công ty đã có sự cải thiện đáng kể so với đầu năm.

+ Hệ số thanh toán nhanh: 0,48 lần (đầu kỳ: 0,21). Mặc dù hệ số này còn thấp (<1), tuy nhiên đã cải thiện đáng kể so với đầu năm.

- Tình hình bảo toàn vốn : Công ty có lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 76,46 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số bảo toàn vốn của Dakruco (*Vốn chủ sở hữu/Vốn điều lệ* = 1,08) lớn hơn 1, cho thấy Dakruco vẫn bảo toàn được vốn chủ sở hữu. Năm 2025 đã chia cổ tức trên lợi nhuận 2024 cho cổ đông với tỷ lệ 0,3% vốn Điều lệ.

Về tình hình tài chính hợp nhất nhất thời điểm 31/12/2025 đã kiểm toán cũng thể hiện việc sản xuất kinh doanh của Công ty và Công ty con có hiệu quả, lợi nhuận tăng trưởng, bảo toàn và phát triển vốn. số liệu cụ thể đã phát hành cho cổ đông và trên trang Web của Công ty.

III/ CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2026 :

Các hoạt động của Ban Kiểm soát bám sát mục tiêu nhiệm vụ theo quy định và quy chế. Cụ thể một số chương trình cụ thể như sau:

- 1/ Giám sát sự tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ.
- 2/ Kiểm soát công tác tài chính – kế toán, các hoạt động góp vốn bảo toàn vốn, Kiểm soát và tư vấn lĩnh vực thuế.
- 3/ Giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu mang tính dài hạn đang triển khai; Các hoạt động triển khai dự án mới theo khả năng về nguồn vốn và tài nguyên của Công ty. Các hoạt động đền bù thu hồi đất theo quyết định của chủ sở hữu UBND Tỉnh.
- 4/ Tiếp tục giám sát các hoạt động khắc phục các vi phạm thông qua thanh kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.
- 5/ Thực hiện trao đổi, tham vấn, kiến nghị giữa BKS với các cơ quan quản lý cũng như các phòng ban về xây dựng và thực hiện kế hoạch, các chương trình kế hoạch đầu tư, hợp tác, liên kết dự kiến triển khai trong năm tài chính.
- 6/ Kịp thời phát hiện rủi ro trong điều hành, xung đột lợi ích, rủi ro xuất phát từ cơ chế chính sách, phát hiện các hành vi có thể dẫn đến sai phạm trong môi trường hoạt động SXKD, làm ảnh hưởng đến uy tín Công ty.
- 7/ Thực hiện kiểm soát theo yêu cầu, kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông về các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty và những nội dung phát sinh khác.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát trong năm 2025 và chương trình kế hoạch năm 2026, BKS kính trình xin ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCD thường niên..

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Nguyễn Thạc Hoàn



Số: 12/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về chủ trương định hướng đối với Kế hoạch SXKD và đầu tư giai đoạn
2026-2030 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được bổ sung sửa đổi tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường - Nhiệm kỳ II (2023-2028), thông qua ngày 24/11/2023;

Hội đồng quản trị Dakruco trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2026-2030 (có kế hoạch kèm theo), với một số chỉ tiêu định hướng lớn như sau:

1. Chỉ tiêu về sản lượng giai đoạn từ 2026-2030:

- Mủ cao su (tự khai thác):	47.490,99 tấn;
- Chỉ thun (sản xuất):	14.300,00 tấn;
- Trái sầu riêng:	5.815,70 tấn;
- Quả cau:	379,52 tấn;
- Cà phê:	4.647,72 tấn.

2. Doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2026-2030:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt:	5.560,06 tỷ đồng;
- Tổng chi phí cả giai đoạn:	4.996,40 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế:	563,66 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế:	477,89 tỷ đồng.

3. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030: Tổng chi phí đầu tư là 1.183,60 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư chăm sóc cho vườn cây cao su: 369,99 tỷ đồng;
- Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng và cà phê tại Nông trường Cư Bao (Nông nghiệp công nghệ cao): 49,71 tỷ đồng;
- Đầu tư trồng và chăm sóc vườn cà phê trồng xen tại Nông trường Cư Mgar và Phú Xuân: 203,77 tỷ đồng;



- Đầu tư trồng rừng (FSC): 4,84 tỷ đồng;
- Đầu tư ngoài nông nghiệp, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và đầu tư xây dựng cơ bản các hạng mục công trình khác (kể cả góp vốn đầu tư): 555,29 tỷ đồng. Trong đó:

- + Lắp đặt điện mặt trời: 40 tỷ đồng;
- + Xây dựng hệ thống đường, điện, hệ thống tưới.... tại Nông trường CuM'gar: 72,18 tỷ đồng;
- + Đầu tư máy móc tại NMCB mủ cao su và Chi thun: 87,51 tỷ đồng;
- + Đầu tư chỉnh trang lại Khách sạn Dakruco: 70 tỷ đồng;
- + Xây dựng cụm siêu thị nông nghiệp (tại Nông trường 30/4 cũ): 30 tỷ đồng;
- + Góp vốn thành lập NMCB cà phê: 31 tỷ đồng;
- + Xây dựng nhà máy chế biến trái cây và phân bón hữu cơ: 40 tỷ đồng;
- + Còn lại là sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và đầu tư XDCB khác.

4. Hằng năm, HĐQT căn cứ vào kế hoạch nói trên để xây dựng kế hoạch và trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua, để Ban Điều hành làm căn cứ thực hiện.

Trong trường hợp UBND tỉnh có ý kiến khác với các nội dung trên, thì HĐQT sẽ điều chỉnh theo ý kiến của UBND tỉnh, trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính và đầu tư năm 2026

Kính gửi: Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được bổ sung sửa đổi tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường - Nhiệm kỳ II (2023-2028), thông qua ngày 24/11/2023.

Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 như sau:

1. Chỉ tiêu về diện tích và sản lượng:

1.1. Tổng diện tích cao su: 7.434,87 ha, trong đó:

a) Diện tích cao su kinh doanh của Công ty: 4.221,55 ha, trong đó:

- Diện tích cao su đã khai thác: 3.434,86 ha;

- Diện tích cao su mở mới: 786,69 ha.

b) Diện tích cao su KTCB của công ty: 3.213,32 ha.

d) Diện tích cao su liên kết: 190,20 ha .

1.2. Diện tích cà phê trồng xen trong vườn cao su: 525,55 ha, trong đó:

- Diện tích trồng mới năm 2026 trồng xen trong vườn cao su: 283,35 ha;

- Diện tích cà phê trồng xen cao su năm 2025: 242,2 ha.

1.3. Diện tích cây ăn trái tại vùng dự án Nông nghiệp UDCNC:

- Diện tích Sầu riêng trồng năm 2019: 74,70 ha;

- Diện tích Sầu riêng trồng năm 2024: 11,73 ha;

- Diện tích Sầu riêng trồng năm 2025: 50,05 ha;

- Diện tích Sầu riêng trồng năm 2026: 23,47 ha

- Diện tích Cà phê trồng xen trong vườn sầu riêng năm 2025: 11,73 ha;

- Diện tích Cà phê trồng xen trong vườn sầu riêng năm 2026: 73,52 ha.

1.4. Tổng sản lượng trong năm:

a) Sản lượng mủ cao su:	8.772,87 tấn, trong đó:
- Cao su tự khai thác:	6.600,64 tấn;
- Cao su mua của các hộ + thu nợ đầu tư:	172,23 tấn;
- Cao su thu mua ngoài:	2.000,00 tấn.
b) Sản lượng cao su nhận gia công:	1.000,00 tấn.
c) Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại:	2.500,00 tấn.
d) Sản lượng quả tươi:	751,00 tấn, trong đó:
- Sản lượng Sầu riêng:	700,00 tấn;
- Sản lượng Cau:	51,00 tấn.

1.5. Sản lượng tiêu thụ trong năm:

a) Mủ cao su:	8.772,87 tấn.
b) Chỉ thun các loại:	2.500 tấn.
c) Sản lượng sầu riêng bán nội địa: 700,00 tấn; sản lượng cau bán nội địa: 51,00 tấn.	

2. Chỉ tiêu về giá trị:

2.1. Giá bán bình quân: Mủ cao su thành phẩm : 47.283.234 đồng/tấn sản phẩm; giá bán sợi chỉ thun các loại: 71.680.353 đồng/tấn; giá bán sầu riêng 50.000.000 đồng/tấn; giá bán cau: 20.000.000 đồng/tấn.

2.2. Tổng doanh thu:	814.225,56 triệu đồng.
2.3. Tổng chi phí:	723.006,35 triệu đồng.
2.4. Lợi nhuận trước thuế:	91.219,20 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu về đầu tư: 254.414,63 triệu đồng, trong đó:

3.1. Đầu tư vườn cây cao su KTCB: 105.103,57 triệu đồng, gồm đầu tư chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản (KTCB) là 3.471,45 ha, chi phí đầu tư bình quân là 30,27 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: Chi phí SXC, CP quản lý và CP lãi vay.

3.2. Đầu tư vườn cây ăn trái tại dự án NN ứng dụng CNC tại Cư Bao: 15.425,1 triệu đồng, trong đó:

- Thực hiện đầu tư trồng mới 23,47 ha Sầu riêng, giá trị đầu tư là 2.336,06 triệu đồng (chi phí bình đầu tư quân là 99,53 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: Chi phí SXC).

- Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2024 là 11,73 ha, chi phí đầu tư là 872,61 triệu đồng (chi phí bình đầu tư quân là 74,39 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: chi phí SXC, chi phí quản lý và chi phí lãi vay).

- Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2025 là 50,05 ha, chi phí đầu tư là 3.808,75 triệu đồng (*chi phí bình đầu tư quân là 76,09 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: chi phí SXC, chi phí quản lý và chi phí lãi vay*).

- Đầu tư chăm sóc vườn cà phê trồng xen sầu riêng năm 2025 là 11,73 ha, chi phí đầu tư là 1.144,3 triệu đồng (*chi phí bình đầu tư quân là 97,56 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: chi phí SXC, chi phí quản lý và chi phí lãi vay*).

- Đầu tư trồng, chăm sóc vườn cà phê trồng xen trên vườn sầu riêng năm 2026 là 73,52 ha, chi phí đầu tư là 7.263,28 triệu đồng (*chi phí bình đầu tư quân là 98,79 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư này đã bao gồm chi phí trực tiếp vào vườn cây và các chi phí phân bổ như: Chi phí SXC*).

3.3. Đầu tư vườn cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar là 41.352,74 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư trồng mới 283,35 ha cà phê xen cao su, chi phí đầu tư trồng mới là 22.900,3 triệu đồng, tương đương 80,81 triệu đồng/ha.

- Đầu tư chăm sóc vườn cà phê KTCB 1 (*cà phê trồng xen cao su năm 2025*) là 242,2 ha, chi phí đầu tư là 18.452,43 triệu đồng, tương đương 76,18 triệu đồng/ha.

3.4. Đầu tư vào rừng trồng (FSC): 815,6 triệu đồng, trong đó:

Tiếp tục chăm sóc diện tích đã đầu tư là 605,36 triệu đồng; trồng mới tại CN Nông trường Phú Xuân 20,1ha với chi phí 210,2 triệu đồng.

3.5. Đầu tư khác vườn cây: 83.150,9 triệu đồng, trong đó:

- Sửa chữa bảo dưỡng là 10.155,12 triệu đồng, chủ yếu là sửa chữa phương tiện vận tải; bảo dưỡng máy móc, thiết bị dây chuyền chế biến mù và sửa chữa khác tại các Chi nhánh... Trong đó đầu tư tại Chi nhánh Chi thun là 3.313,47 triệu đồng, tại Chi nhánh chế biến mù là 5.475,03 triệu đồng, số còn lại là sửa chữa đường nội đồng, sửa chữa tài sản,... mang tính cấp thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Chi nhánh và VP Công ty.

- Xây dựng cơ bản là 72.995,78 triệu đồng, trong đó tại Chi nhánh Nhà máy chế biến mù là 13.268,19 triệu đồng, tại CN Khách sạn là 20.000 triệu đồng; tại nhà máy chế biến chi thun 2.038,74 triệu đồng; Xây dựng đường nội bộ tại các chi nhánh và Văn phòng Công ty là 9.403,32 triệu đồng, tại dự án trồng Cà phê (NT CưMgar) là 25.163,02 triệu đồng, tại Chi nhánh Nông trường Cư Bao là 3.122,5 tỷ đồng.

3.6. Đầu tư góp vốn ra ngoài để thành lập Công ty kiểm phẩm trái cây, Nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao: 8.000 triệu đồng.

4. Giao cho HĐQT phê duyệt Phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 theo các chỉ tiêu chủ yếu nêu trên, để Ban điều hành triển khai thực hiện. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao

3829
TY
HÂN
SU
LẮK
101-7.6

cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

Trong trường hợp UBND tỉnh cho ý kiến khác với các nội dung nêu trên, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ xem xét điều chỉnh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Viết Trọng



Số: 10/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty đã được bổ sung sửa đổi tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường - Nhiệm kỳ II (2023-2028), thông qua ngày 24/11/2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính (Riêng) của Công ty mẹ năm 2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;

Hội đồng quản trị xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2025: 76.569.743.953 đồng. Trong đó:

- Trích lập các quỹ trên khoản lợi nhuận sau thuế của năm 2025: 50.123.040.933 đồng, cụ thể:

- | | |
|--|----------------------|
| + Trích quỹ đầu tư và phát triển công ty: | 22.937.679.000 đồng; |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty: | 26.957.913.600 đồng; |
| + Trích quỹ thưởng của người quản lý công ty: | 227.448.333 đồng. |
| - Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ: | 26.446.703.020 đồng. |

2. Chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2026:

- Mức chi trả: 01 (Một) cổ phiếu nhận 169 đồng (tương ứng với tỷ lệ: 1,69%/CP);

- Tổng số tiền cổ tức phải chi trả: 26.330.200.000 đồng;

- Hình thức chi trả: Bằng tiền.

- Thời gian chi trả: Giao cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể.

Kính trình quý cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

“V/v Thông qua quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Công ty năm 2026”

Kính gửi: Quý cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/09/2025, Quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

HĐQT Công ty CP Cao su Đắk Lắk trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Công ty năm 2026 như sau:

A. Quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2025 của người lao động và người quản lý công ty:

I. Quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và Ban Điều hành năm 2025

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Ban điều hành năm 2025: 215.924 triệu đồng.

a) Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành: 184.322 triệu đồng.
Trong đó:

- Quỹ tiền lương của người lao động: 182.130 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành: 1.872 triệu đồng

b) Quỹ tiền lương khối cao su trồng mới, chăm sóc cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản: 31.602 triệu đồng.

2. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành: 243.240,45 triệu đồng.



a) Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành:

Căn cứ vào tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025. Công ty có mức lợi nhuận thực hiện đạt 89.010,33 triệu đồng so với kế hoạch 80.227,18 triệu đồng, tỷ lệ năng suất lao động thực hiện năm 2025 tăng 127% so với kế hoạch (193,17trđ/ người/152,09trđ/người);

Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 7, điều 8 và khoản 3 điều 9 mục 2 Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025;

Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành năm 2025 được quyết toán là: **212.189,45 triệu đồng.**

Trong đó:

- Quỹ tiền lương của người lao động: 209.567,147 triệu đồng.
- Quỹ tiền lương của Ban điều hành: 2.215,857 triệu đồng.
- Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể: 406,446 triệu đồng.

b) Quỹ tiền lương của khối cao su trồng mới, chăm sóc cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản: **31.051 triệu đồng.**

II/ Quỹ Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên năm 2025.

1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên Dakruco năm 2025: 2.008,800 triệu đồng. Trong đó:

a) Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.560 triệu đồng (03 người).

b) Quỹ thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên HĐQT, kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 448,800 triệu đồng.

2. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện trong năm 2025:

Căn cứ kết quả kinh doanh như điểm a, khoản 2, mục I, phần A của Tờ trình này đã nêu;

Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 22 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Tổng Quỹ Tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025: 2.081,697 triệu đồng. Trong đó:

a) Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.637,628 triệu đồng.

b) Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên HĐQT, kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 444,069 triệu đồng.

3. Quỹ tiền thưởng của người quản lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 320,86 triệu đồng



4. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện:

a) Chi phí hoạt động theo kế hoạch: 200 triệu đồng.

b) Chi phí hoạt động thực hiện: 71,987 triệu đồng.

B. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Người lao động, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và Ban điều hành.

- Căn cứ điều 24 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định về Tiền lương, thù lao, tiền thưởng;

- Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 và Điều 4, khoản 1, Điều 5 Nghị định 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/09/2025;

- Căn cứ vào tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất năm 2026;

- Vận dụng điểm a khoản 3 điều 7 Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025;

I. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người lao động, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban điều hành năm 2026:

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban điều hành.

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của Người lao động, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban điều hành năm 2026 của Dakruco là: 9.981.308 đồng/người/tháng làm việc.

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của Người lao động, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban điều hành : 9,981 triệu đồng x 2.040 người x 12 tháng + 179,404 triệu đồng = 244.521,82 triệu đồng.

Trong đó:

+ Quỹ Tiền lương Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (03 người) năm 2026: 1.450,080 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương Ban điều hành (04 người) năm 2026: 1.984,32 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương của người lao động năm 2026: 240.908,014 triệu đồng (tương đương 2.033 lao động, mức tiền lương bình quân: 9.874.898 đồng/người/tháng làm việc).

- Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể (01 người): 179,404 triệu đồng.

2. Quỹ Thù lao Thành viên HĐQT, KSV không chuyên trách (bao gồm 01 Thành viên HĐQT độc lập): 549,792 triệu đồng.

3. Quỹ tiền lương kế hoạch khối cao su trồng mới, chăm sóc cây cao su và cây cà phê thời kỳ KTCB: 37.328 triệu đồng (523 người).

4. Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người lao động, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban điều hành năm 2026: **282.399,621 triệu đồng.**

II. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát:

Thực hiện theo kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty: **200 triệu đồng.**

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện của Người lao động và Người quản lý công ty năm 2025; và kế hoạch tiền lương, thù lao của Người lao động và Người quản lý Công ty năm 2026. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người TPQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Viết Tượng



Số: 08/TTr-HDQT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ
và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

- Căn cứ danh sách 28 doanh nghiệp kiểm toán được UBCK NN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 (Kèm theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBCK Nhà nước);

HDQT Dakruco trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Dakruco cần thỏa mãn các điều kiện sau:

Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

Là đơn vị có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính, theo các quy định của các Chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực báo cáo Tài chính quốc tế (IFRS); Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Dakruco; Có mức phí dịch vụ phù hợp và cạnh tranh.

2. Đề xuất danh mục các Công ty kiểm toán

Danh mục các Công ty/đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026 của Công ty như sau gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC (Moore AISC) – Chi nhánh Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) – Chi nhánh Đà Nẵng.

3. HDQT Công ty đề nghị ĐHĐCĐ

HDQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào đề xuất của Ban Kiểm soát hoặc UBKT Công ty để lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán tại mục 2 của Tờ trình này và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người TPQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT



Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của HĐQT.

Để tăng cường công tác quản trị theo xu hướng hiện đại, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk xem xét, thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty từ mô hình có Ban Kiểm soát sang mô hình Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, nội dung cụ thể như sau:

1. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty:

Mô hình tổ chức quản lý hiện tại (Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)	Mô hình tổ chức quản lý sau khi sửa đổi (Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)
1. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị 3. Ban kiểm soát 4. Tổng Giám đốc	1. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị 3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị 4. Tổng Giám đốc

2. Tổ chức thực hiện

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Ủy ban kiểm toán, ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các quy định nội bộ có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung và công bố thông tin theo quy định.

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có hiệu lực và Ủy ban Kiểm toán được thành lập, bảo đảm không có khoảng trống trong công tác giám sát; đồng thời Ban Kiểm soát thực hiện việc bàn giao hồ sơ, công việc cho Ủy ban kiểm toán theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người TP QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Tượng

Số: 14/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Kính gửi: Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

- Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 19/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 cho ý kiến về các vấn đề sau:

1. Xem xét thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty:

1.1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 – Trụ sở đăng ký của Công ty; Sửa đổi khoản 4 Điều 2 – Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, công ty con

- Lý do: Thay đổi địa chỉ các Chi nhánh do sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, bỏ cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nông trường Cuôr Đăng.

1.2. Sửa đổi khoản 5 Điều 2 – Thời hạn hoạt động

Lý do: Pháp luật doanh nghiệp hiện hành không quy định thời hạn chung cho tất cả doanh nghiệp; Công ty chỉ giải thể khi Đại hội đồng cổ đông quyết định theo điểm i khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Vì vậy, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và không cần dẫn chiếu Điều 62, Điều 63 hiện hành.

1.3. Sửa đổi khoản 1 Điều 10 – Chuyển nhượng cổ phần

Lý do: Công ty đã hoàn thành cổ phần hóa hơn 06 năm, cụm từ quy định về thời hạn 03 năm đối với cổ phần ưu đãi khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk không còn cần thiết để giữ trong Điều lệ.

1.4. Bãi bỏ Điều 11 – Thu hồi cổ phần

Lý do: Công ty đã cổ phần hóa hơn 07 năm; nội dung quy định tại Điều 11 không còn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.



1.5. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 – Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát

Lý do: Áp dụng mô hình quản trị theo điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc, có thành viên HĐQT độc lập và Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT). Mô hình này phù hợp xu thế quản trị hiện đại tại các công ty đại chúng, nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT; bảo đảm tính khách quan, độc lập của thành viên HĐQT độc lập và không điều hành; phù hợp Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng; bộ máy tinh gọn, giảm chi phí quản lý.

1.6. Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 31 – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Lý do: Đảm bảo Nguyên tắc chung, phạm vi áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp với tình hình hoạt động hiện nay của Công ty; đồng thời quy định rõ việc lấy ý kiến bằng văn bản chỉ áp dụng đối với các cuộc họp bất thường, tránh hiểu nhầm việc lấy ý kiến bằng văn bản là hình thức thay thế cho cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

1.7. Sửa đổi tên Chương VIII – từ "Ban Kiểm soát" thành "Ủy ban kiểm toán"

- Lý do: Đồng bộ với việc thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý và mô hình hoạt động của Công ty đã trình bày tại nội dung 1.5 nêu trên.

1.8. Bãi bỏ Điều 37 – Thư ký Công ty

- Lý do: Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty đã được quy định tại Điều 33 của Điều lệ; không cần thiết quy định lặp lại tại Điều 37.

1.9. Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 49 – Mối quan hệ với Công ty con

- Lý do: Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

1.10. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 54 – Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

- Lý do: Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025.

1.11. Bổ sung khoản 4 Điều 61 – Dấu của doanh nghiệp

- Lý do: Phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại Công ty; bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc sử dụng dấu của Người đại diện phần vốn Nhà nước trong giao dịch với cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

1.12. Sửa đổi khoản 1 Điều 62 – Giải thể Công ty

- Lý do: Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn (đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 2 – nội dung 3 nêu trên); do đó, trường hợp "Kết thúc thời hạn hoạt

động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn" không cần thiết quy định trong Điều lệ.

1.13. Bãi bỏ Điều 63 – Gia hạn hoạt động

- Lý do: Đồng bộ với nội dung 1.2 và nội dung 1.13 nêu trên: thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn nên không phát sinh việc gia hạn hoạt động.

Tài liệu kèm theo: Điều lệ Công ty sửa đổi.

2. Xem xét thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị Công ty:

2.1. Nội dung sửa đổi: Cụ thể các quy định “Ban kiểm soát” “Thành viên Ban kiểm soát” được bãi bỏ;

Lý do: Để phù hợp với thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định tại Điều 137, Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty.

2.2. Sửa đổi Điều 49 về tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị;

Lý do: Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2.3. Sửa đổi Chương IV bao gồm 06 Điều khoản (từ Điều 71 đến Điều 76) quy định về Ủy ban kiểm toán.

- Lý do: Để phù hợp với thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty.

Tài liệu kèm theo: Quy chế nội bộ quản trị Công ty sửa đổi.

3. Xem xét thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

3.1. Nội dung sửa đổi: Cụ thể các quy định “Ban kiểm soát” “Thành viên Ban kiểm soát” được bãi bỏ.

Lý do: Để phù hợp với thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định tại Điều 137, Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty.

3.2. Sửa đổi Điều 6 về tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

- Lý do: Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3.3. Sửa đổi Điều 14 về các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị và thư ký Hội đồng quản trị;

Lý do: Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty.

3.4. Điều 22 về mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán.

Lý do: Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi.

4. Tổ chức thực hiện

Giao Chủ tịch HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký các quyết định ban hành Điều lệ và các quy chế nói trên để triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người TPQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Viết Tượng
Nguyễn Viết Tượng



**CÔNG TY CP CAO SU ĐẮK LẮK
(ĐAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 14/TB-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v đề cử, ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ II (2023-2028)**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk đã được bổ sung sửa đổi tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường - Nhiệm kỳ II (2023-2028), thông qua ngày 24/11/2023;

Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Nguyễn Viết Tượng ngày 29/4/2026. Như vậy, HĐQT đến hiện nay đã có đơn từ nhiệm của Nguyễn Viết Tượng, như vậy HĐQT sẽ khuyết 01 thành viên, để đảm bảo đủ số lượng 07 thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và hoạt động của HĐQT trong thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2023-2028 theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

Do vậy, trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 cần phải tiến hành các thủ tục để bầu bổ sung thành viên HĐQT phù hợp với các tiêu chí để làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty. Để chuẩn bị cho việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT phù hợp với các tiêu chí để làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty nói trên, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk thông báo đến quý cổ đông về việc ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập như sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT độc lập (theo khoản 1, 2 Điều 155 và điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020):

1.1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác (nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác);

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người



quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e) Ngoài ra thành viên HĐQT độc lập còn phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty.

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung:

2.1. Số lượng thành viên HĐQT: 01 người là thành viên HĐQT độc lập.

2.2. Nhiệm kỳ: Theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ II (2023 – 2028).

2.3. Bầu cử theo phương pháp bầu dồn phiếu.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 26 và Điều 26 Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

4. Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông hoàn thiện hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HQĐT ngày 19/5/2026, dự kiến trình cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Quý cổ đông xem Quy chế bầu cử và tải các biểu mẫu tại website Công ty www.dakruco.com chuyên mục Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT đề nghị gửi về thư ký HĐQT trước 10 ngày khai mạc đại hội (chậm nhất là vào ngày 20/6/2026) để HĐQT xem xét đưa vào danh sách chuẩn bị cho việc bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Hồ sơ dán kín và gửi theo địa chỉ:

Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 0262 3865015 – Fax: 0262 3865041.

6. Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị sẽ đề cử theo quy định.



Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự thành viên HĐQT theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người TPQTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Viết Trọng



(DỰ THẢO)



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-NĐDV ngày / /2026 của Công ty CP Cao su Đắk Lắk)

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày tháng năm

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; và Luật số 56/2024/QH15 – Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

ô. *Công ty* là gọi tắt Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

ơ. *Đơn vị phụ thuộc* là các Chi nhánh (Nông trường, Nhà máy, Trung tâm ...) hạch toán báo sổ, thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhiệm vụ Công ty giao hoặc uỷ quyền;

p. *Công ty con* là các Công ty hạch toán độc lập do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

q. *Công ty liên kết* là các công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty dưới mức chi phối;

r. *Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty* là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

s. *Quyền chi phối* là quyền của Công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây: Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

t. *Người đại diện phần vốn của Công ty* là cá nhân được Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

u. *Bí mật thương mại* là bất kỳ thông tin kinh doanh nào chưa được công bố rộng rãi, có giá trị kinh tế vì tính bí mật và được chủ sở hữu thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ. Nó có thể bao gồm công thức, mẫu mã, phương pháp, quy trình kỹ thuật, tài chính hoặc các thông tin thương mại khác giúp doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh.

ư. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh...

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK LAK RUBBER JOINT STOCK

COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DAKRUCO

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại: (0262) 3865015

- Fax: (0262) 3865041

- E-mail: caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com

- Website: www.dakruco.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện nay, Công ty có 08 đơn vị trực thuộc và 01 Công ty con 100% vốn của Dakruco, bao gồm:

a) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường 19/8, địa chỉ: Km13+500 Quốc lộ 27 - Buôn Mát A - Xã Ea Ktur - Đắk Lắk;

b) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Bao, địa chỉ: Thôn 8 – Phường Cư Bao - Đắk Lắk;

c) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Kpô, địa chỉ: Thôn Thống Nhất - Xã Krông Púk - Đắk Lắk;

d) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Mgar, địa chỉ: Km20 Tỉnh lộ 8 - xã Cư M'gar - Đắk Lắk;

e) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Phú Xuân, địa chỉ: Km20 Quốc lộ 14 - Xã Cuôr Đăng - Đắk Lắk;

f) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nhà máy chế biến mủ Cao su, địa chỉ: Thôn Đoàn kết - Xã Cuôr Đăng - Đắk Lắk;

g) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nhà máy chế biến Chi thun, địa chỉ: Lô B35-B36 Khu Công Nghiệp Hòa Phú - Xã Hoà Phú - Đắk Lắk;

h) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Khách sạn Dakruco, địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh – Phường Tân An - Đắk Lắk;

i) Công ty phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (DakMoruco), địa chỉ: Xã Monorum - Huyện Senmonorum - Tỉnh Mondulkiri - Campuchia.

5. Thời hạn hoạt động: Trừ khi Công ty thực hiện giải thể theo quy định tại khoản 2 điều 60 thì thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa

án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Ngoài việc chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;

2. Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 4, Điều 35 của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: Trồng, khai thác, chế biến, mua bán mủ cao su và các sản phẩm từ mủ cao su; trồng, thu hoạch, chế biến, mua bán các sản phẩm của cây ăn quả, cà phê; cây nông nghiệp ngắn ngày và các ngành nghề khác nêu tại Điều 5 của Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- b) Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty;

c) Kết hợp giữa phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển kinh tế với nhiệm vụ giữ vững an ninh, chính trị, quốc phòng, hỗ trợ an sinh xã hội;

d) Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác, kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn, tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125 (Chính)
2	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
5	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
6	Trồng cây hàng năm khác	0119
7	Trồng cây ăn quả	0121
8	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
9	Trồng cây điều	0123
10	Trồng cây hồ tiêu	0124
11	Trồng cây cà phê	0126
12	Trồng cây chè	0127
13	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
18	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
26	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

29	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
31	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
33	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
37	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
41	Bán buôn thực phẩm	4632
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
45	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
47	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51	Bốc xếp hàng hóa	5224
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
59	Đại lý du lịch	7911
60	Điều hành tua Du lịch	7912
61	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

62	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
64	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
65	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.558.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng);

1.1 Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 155.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông Nhà nước giữ tỷ lệ cổ phần trên 75%.

1.2 Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 0% vốn điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông: Cổ đông Công ty là cổ đông phổ thông, không có cổ đông sáng lập (Vì Công ty được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk).

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp

Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có những quyết định khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng quản trị;
 - c) Ủy ban kiểm toán (Trực thuộc Hội đồng quản trị);
 - d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và các bộ phận.
3. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, kiểm soát và bộ máy giúp việc của Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, cũng như Khoản 1, Điều 10 của Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

m. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

n. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy Ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ đạo Ủy Ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ liên hệ đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần

của cả nhóm cổ đông cũng như tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; biểu quyết điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông có thể họp trực tuyến, khi xảy ra tình trạng bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời

đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và điểm a, khoản 2, Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm khoản 3 Điều này.

b. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;
 - k. Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh;
 - e. Báo cáo của Ủy Ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy Ban kiểm toán và thành viên Ủy Ban kiểm toán;
 - g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mỗi loại được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Quyết định để Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới mười (10)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác, từ mười (10)% đến dưới năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ năm mươi (50)% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (5) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay

đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại cổ phần đó (không phụ thuộc vào số lượng người sở hữu và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu biểu quyết yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp đại hội đồng cổ đông;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày, trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số phiếu biểu quyết đại diện cho tổng số cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu

quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, chủ tịch Ủy Ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c. Định hướng phát triển công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ

đồng có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản

(nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10%) đến dưới hai mươi (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20%) đến dưới ba mươi (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30%) đến dưới bốn mươi (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40%) đến dưới năm mươi (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50%) đến dưới sáu mươi lăm (65%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65%) trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) đến chín (09) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối

đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế

toán trưởng; Chủ tịch/Phó Chủ tịch UB kiểm toán và thành viên UBKT, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con do Dakruco nắm giữ 100% vốn điều lệ.

j. Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng phó các phòng ban Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc Công ty;

k. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có);

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;

t. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo

hiếm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc

tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường (đối với các cuộc họp bất thường Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản).

2.1. Nguyên tắc chung: Hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ yếu thông qua cuộc họp định kỳ và cuộc họp bất thường theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020. Cuộc họp HĐQT là hình thức hoạt động chính thức, bắt buộc, bảo đảm tính tập thể, dân chủ, công khai và trách nhiệm giải trình của các thành viên HĐQT.

2.2. Phạm vi áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản chỉ được áp dụng trong các trường hợp cụ thể là những nội dung liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh thường xuyên của Ban Điều hành, nhưng thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; xử lý các vấn đề có tính chất cấp bách, phát sinh giữa hai kỳ họp HĐQT và không thuộc nhóm nội dung phải trình tại ĐHĐCĐ.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của chủ tịch ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu

biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy Ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy Ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được mời hoặc khi có nội dung liên quan; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội

đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên UB Kiểm toán có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng

quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy Ban kiểm toán hoặc nhóm các cổ đông.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy Ban kiểm toán;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công

việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, từ 02 đến 03 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 36. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; Ủy ban Kiểm toán có thể sử dụng cán bộ chuyên trách để giúp việc.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, Quản trị kinh doanh....

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán báo cáo trực tiếp với Hội đồng quản trị và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín Công ty.

3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng, chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra kết luận của mình.

4. Thành viên Ủy ban Kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi có yêu cầu của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty; đến các chi nhánh, địa điểm làm việc, kinh doanh của Công ty; trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc và người lao động để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

9. Có quyền yêu cầu đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.

10. Được sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật và dịch vụ tư vấn khác khi cần thiết.

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách quản lý rủi ro, đề xuất Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

12. Báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và Người quản lý khác không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

14. Các thành viên Ủy ban Kiểm toán được tham dự các cuộc họp của HĐQT.

15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất mỗi ba (3) tháng một lần và phải họp với Hội đồng quản trị ít nhất mỗi sáu (6) tháng một lần.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán quyết định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau, vấn đề sẽ được trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Biên bản cuộc họp, biên bản lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ.

4. Ủy ban Kiểm toán được quyền kiến nghị tổ chức các cuộc họp với Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán và những vấn đề liên quan khác theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Hội đồng quản trị quyết định nội dung, thời gian, phương thức tổ chức cuộc họp của Hội đồng quản trị với Ủy ban Kiểm toán.

5. Ủy ban Kiểm toán được quyền tổ chức các cuộc họp với Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp để nghe báo cáo, giải trình hoặc thảo luận, trao đổi các nội dung mà Ủy ban Kiểm toán yêu cầu thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.

Điều 40. Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị Quy chế kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

2. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm phản hồi trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các yêu cầu của Hội đồng quản trị liên quan đến nghĩa vụ, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

3. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo trước năm (5) ngày trước ngày dự kiến tổ chức cuộc họp giữa Ủy ban Kiểm toán với Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc chỉ đạo và đôn đốc Người điều hành doanh nghiệp, các phòng/ban trực thuộc (bao gồm cả công ty con) phối hợp cung cấp thông tin, phản hồi các yêu cầu của Ủy ban kiểm toán.

5. Tổng Giám đốc chỉ đạo và đôn đốc việc thực hiện các hoạt động khắc phục, hoàn thiện các vấn đề của Công ty đã được Ủy ban Kiểm toán kết luận, kiến nghị.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giải quyết mâu thuẫn, xung đột (nếu có) giữa Ủy ban Kiểm toán với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.

Điều 41. Kinh phí hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

1. Kinh phí hoạt động hàng năm của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị phân bổ và nằm trong kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Thù lao và phụ cấp của thành viên Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Chi phí hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và thù lao của thành viên Ủy ban Kiểm toán được báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi

một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy Ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy Ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và các đoàn thể

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 46. Mỗi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

1. Các Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó, Điều lệ của Công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Công ty là chủ sở hữu của các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty này. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Công ty con;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

4. Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty con;

d) Quyết định cử người đại diện vốn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên/ Kiểm toán viên của Công ty con;

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm và hàng năm của Công ty con;

f) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản và thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty theo Điều lệ Công ty con;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con không trái với Điều lệ này.

5. Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Mọi quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp chi phối tại các Công ty con cổ phần, vốn góp chi phối. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các Công ty con này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện vốn của Công ty.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con;

b) Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty con theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sau khi Hội đồng quản trị Công ty có ý kiến thỏa thuận:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán; Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng

với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc doanh nghiệp;

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (5) năm;

f) Chủ trương góp vốn, tỷ lệ nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác;

g) Chủ trương Quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản hoặc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

h) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

i) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

j) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp;

k) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành Pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

5. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà các Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

6. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty với Công ty con, được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Điều 48. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty liên kết là các Công ty do Công ty nắm giữ không quá năm mươi (50)% vốn điều lệ, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình Công ty đó.

2. Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp nêu ở Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định các báo cáo, đề xuất của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị cho ý kiến thỏa thuận, trên cơ sở đó người đại diện vốn tại doanh nghiệp thực hiện các quyền của cổ đông hoặc quyền của thành viên Hội đồng quản trị... phù hợp với quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết được quy định tại Quy chế này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp;

b) Chỉ định Người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện theo ủy quyền, quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo ủy quyền; đánh giá đối với Người đại diện theo ủy quyền;

c) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Điểm a Khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;
- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban kiểm toán, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; thế chấp, cầm cố tài sản hoặc phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.

e) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Công ty tại doanh nghiệp theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 49. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: Định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su/cây trồng khác; liên kết đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 50. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc

1. Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua các quy chế về tổ chức, hoạt động được Tổng Giám đốc Công ty ban hành bằng văn bản phổ biến tới từng đơn vị phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán tập trung. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 51. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Được Hội đồng quản trị Công ty giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn của Công ty thực hiện theo Quy chế hoạt động Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Trích không quá 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ.

- Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;

- Phần lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

c) Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động, sẽ được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty được sử dụng con dấu của Công ty để gửi các văn bản cho chủ sở hữu là UBND tỉnh Đắk Lắk và các sở, ngành có liên quan.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 61. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban

thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy Ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các

bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 mục, 64 điều được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên - Nhiệm kỳ II (2023-2028), Điều lệ này thay thế các Điều lệ ngày 02/10/2018, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua vào ngày 29/9/2018 và Điều lệ sửa đổi, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 02/6/2020; được sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 29/4/2021; bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 27/6/2022; sửa đổi tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 20/6/2023; bổ sung, sửa đổi tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023 thông qua ngày 24/11/2023 và Đại hội đồng cổ đông cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

Đắk Lắk, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày/...../2026)

Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 26/06/2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

3. Công ty: là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

4. HĐQT: là Hội đồng Quản trị

5. Ứng cử: là tự đề cử

6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 14 Điều 15 Điều lệ công ty.

Mục 2

Quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty.

3. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Ủy ban kiểm toán điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành;

g) Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên;

h) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các cổ đông/đại biểu và cuộc họp thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình cuộc họp.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký cuộc họp đại hội đồng cổ đông:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký cuộc họp:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung cuộc họp;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;

- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội đồng cổ đông những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của cuộc họp gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Công ty thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành;
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức cho các phòng, ban chuyên môn của Công ty. Hội đồng quản trị phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, ngày diễn ra cuộc họp và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Thông báo về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công ty.

Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm

yết hoặc đăng ký giao dịch.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 1,2 Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự cuộc họp (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty;

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện);
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật;
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội: Cổ đông, người đại diện theo

ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 19, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung theo khoản 2, điều 15, Điều lệ Công ty;
2. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
3. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai;

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, có mã vạch từng mã cổ đông hoặc đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại cuộc họp (kèm theo bộ tài liệu tham dự họp Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

• **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu có ba ô vuông biểu quyết là: “tán thành”, “không tán thành”, “không ý kiến”; phiếu không bị tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

• **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ; hoặc tất cả các nội dung không đánh dấu vào tất cả

các ô vuông biểu quyết hoặc đánh dấu vào từ hai ô vuông biểu quyết trở lên.

• **Phiếu biểu quyết không hợp lệ từng nội dung:** Trong phiếu biểu quyết có nhiều nội dung, thì các nội dung không hợp lệ là các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông biểu quyết nào, hoặc đánh dấu từ hai ô vuông biểu quyết trở lên. Các nội dung đánh dấu chọn vào một trong ba ô vuông biểu quyết đều hợp lệ.

b) **Phiếu bầu cử**

• **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

• **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

• Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

• Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) **Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu hoặc Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) **Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu

quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của cuộc họp, cổ đông/đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại cuộc họp theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

• Theo đó mỗi cổ đông/đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

• Cổ đông/đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

• Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông/đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

• Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông/đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

• Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Cổ đông/ đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cổ đông/đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông/đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

• Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua
Thực hiện theo Điều 21, Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm

hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Các nội dung có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 1, Điều 22, Điều lệ Công ty:

2. Hội đồng quản trị tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nội dung, thủ tục, cách thức thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HDQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này hoặc khi Hội đồng quản trị xét thấy cần phải được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp thảo luận và thông qua.

Điều 23. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 6 và 8 Điều 22 Điều lệ Công ty.

7. Lưu tài liệu theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Điều lệ Công ty.

8. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty;
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông/đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông/đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông/đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông/đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông/đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện

thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

• Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến;

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền;

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

• Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

• Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a) Nguyên tắc:

• Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

• Chỉ có cổ đông/đại biểu mới được tham gia thảo luận;

• Cổ đông/đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ;

• Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông/đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b) Giải đáp ý kiến của các cổ đông/đại biểu:

• Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông/đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

• Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình

thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông/đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử;

- Sau đó, cổ đông/đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, cổ đông/đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp cổ đông/đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình cuộc họp thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông/đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó;

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình cuộc họp đã gửi, cổ đông/đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông/đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông/đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Cổ đông/đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình cuộc họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

- Trong trường hợp, cổ đông/đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của cổ đông/đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại cuộc họp. Cổ đông/đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ

phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông/đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi cổ đông/đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa cuộc họp có mặt để điều khiển cuộc họp. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1

Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 27, Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;*
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung*

tại từng thời điểm;

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

10. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2

Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 26, Điều lệ Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 25, Điều lệ Công ty.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Điều 54. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 29, Điều lệ Công ty.

Mục 3

Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại điều 28 Điều lệ Công ty.

Mục 4

Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 60. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được

tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 62. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 63 Quy chế này.

2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 63. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h, khoản 1, Điều 62 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 64. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 65. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 31, Điều lệ Công ty;
2. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết bằng các phụ lục đính kèm Quy chế này.

Mục 6

Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 66. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 67. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 32, Điều lệ Công ty.

Chương IV **ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Mục 1

Quy định chung

Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông
4. Chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị danh sách công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

14. Xây dựng và phê duyệt Quy chế/Điều lệ hoạt động của Phòng/Ban kiểm toán nội bộ;

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định chi tiết trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Mục 2

Quy định về nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên và hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Điều 72. Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán

Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Theo đó, nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán là không quá năm (05) năm.

Điều 73. Số lượng, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có tối thiểu là hai (02) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Trong đó:

a) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Các thành viên của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên thuộc Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực vụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch của Ủy ban kiểm toán phân công công việc cho các thành viên của Ủy ban dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Ủy ban.

Điều 74. Tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Thành viên của Ủy ban kiểm toán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, đồng thời không thuộc các trường hợp sau:

(i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

(ii) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong năm (05) năm liền trước đó.

b) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 75. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chuẩn bị danh sách ứng viên để thực hiện bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

2. Sau khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới, tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ mới, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ dựa vào hồ sơ các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị để đề cử danh sách các thành viên của Ủy ban kiểm toán và đề cử một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

3. Các thành viên hội đồng quản trị khác có thể tự ứng cử làm thành viên Ủy ban kiểm toán nếu xét thấy đáp ứng đủ tiêu chuẩn.

4. Toàn bộ Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết bầu Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên còn lại của Ủy ban kiểm toán dựa vào danh sách ứng viên được lập như cách thức nêu trên.

Điều 76. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Ủy Ban kiểm toán chịu trách nhiệm trong các hoạt động liên quan tới:

- Báo cáo tài chính;
- Hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Dịch vụ do kiểm toán độc lập cung cấp;
- Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật.

1. Báo cáo tài chính

a) Xem xét báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;

b) Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật, nghề nghiệp đối với báo cáo tài chính Công ty;

c) Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;

d) Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập; có ý kiến với Ban Điều hành đối với những phát hiện, khuyến nghị trọng yếu và kế hoạch thực hiện liên quan;

e) Theo dõi hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc chuẩn bị số liệu, lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính.

2. Hoạt động Kiểm toán nội bộ

a) Quản lý và giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định như sau:

(i) Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán quản lý và quyết định các vấn đề liên quan đến bộ máy, nhân sự bao gồm việc tuyển dụng, bổ nhiệm các chức danh, lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ đối với Phòng/Ban Kiểm toán nội bộ và các

kiểm toán viên trên cơ sở tham khảo ý kiến của Ủy ban kiểm toán.

(ii) Ủy ban kiểm toán giám sát các vấn đề liên quan đến chức năng kiểm toán nội bộ, bao gồm:

- Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
- Quy chế hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Phương pháp kiểm toán;
- Chất lượng, hiệu quả kiểm toán.

Ủy ban kiểm toán cần lấy ý kiến Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm toán và Quy chế kiểm toán nội bộ trước khi phê duyệt.

Xem xét các báo cáo kiểm toán nội bộ, trong đó chú trọng đến các khuyến nghị và kế hoạch thực hiện liên quan;

b) Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Phòng/Ban Kiểm toán nội bộ tiến hành thảo luận các vấn đề mà Ủy Ban hoặc Kiểm toán nội bộ thấy cần thiết.

3. Dịch vụ do kiểm toán độc lập cung cấp

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b) Xem xét, giám sát tính độc lập và khách quan của Trưởng nhóm kiểm toán và các kiểm toán viên;

c) Xem xét tính chất và phạm vi kiểm toán và phương pháp tiếp cận do Kiểm toán độc lập đề xuất, bao gồm cả sự phối hợp với Kiểm toán nội bộ (nếu có);

d) Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Kiểm toán độc lập tiến hành thảo luận các vấn đề mà Ủy Ban hoặc Kiểm toán độc lập thấy cần thiết (Thư quản lý, khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán, ...).

4. Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro

a) Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro;

b) Xem xét báo cáo kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro (trong đó có các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và công nghệ thông tin), lưu ý các phát hiện, khuyến nghị của kiểm toán và phản hồi từ Ban Điều hành.

5. Tuân thủ

a) Theo dõi tính hiệu quả các hoạt động, biện pháp (hoặc chương trình) phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, điều lệ công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật;

b) Thảo luận với Tổng Giám đốc và/hoặc thành viên Ban Điều hành về các biện pháp phòng chống gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp;

c) Xem xét kết quả, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) về điều tra các vi phạm, do Ban điều hành tiến hành; theo dõi khắc phục sau kết luận điều tra.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 77. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 4, Điều 35 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; hoặc được Hội đồng quản trị phân công, ủy quyền theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch phối hợp kinh doanh hằng ngày của Công ty; công tác kiểm toán, thanh tra, bảo vệ; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

e) Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển Công ty; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do Công ty kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Công ty;

f) Dự thảo Điều lệ, dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; xây dựng các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

g) Chuẩn bị cho Hội đồng quản trị: các dự án đầu tư, các đề án cơ cấu tổ chức, quản lý, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các phương án đề phòng rủi ro, các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính riêng của Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các đề án, dự án khác;

h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Riêng các chức danh quản lý là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc; Trưởng, phó

phòng/ban và tương đương của Công ty phải được HĐQT thỏa thuận. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác;

i) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

j) Tuyển dụng lao động;

k) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l) Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;

m) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện việc công bố thông tin, công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật; Chậm nhất Quý 1 của năm kế hoạch, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

n) Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 78. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 79. Đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 80 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 80. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điều i Khoản 2 Điều 27 và Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 81. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 82. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1

Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Điều 83. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương III Quy chế này.

Điều 84. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 85. Các trường hợp Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a) Ủy ban kiểm toán có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Ủy ban kiểm toán không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

d) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

e) Xin ý kiến HĐQT đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua;

f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g) Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h) Xin ý kiến về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;

i) Các nội dung khác khi xét thấy vì lợi ích của Công ty, nhưng thuộc thẩm quyền cho ý kiến của HĐQT.

Điều 86. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 87. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 78 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 88. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:

a) Các nội dung theo Điều 89 quy chế này;

b) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty;

c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị

quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 89. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

1. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

4. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại điểm e, f, g, h Khoản 2 Điều 77 Quy chế này Tổng Giám đốc phải gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Mục 2

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 90. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm ban hành Quy chế đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, phù hợp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như:

quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v...

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập so với các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT và Ủy ban kiểm toán.

4. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 91. Khen thưởng

1. HĐQT, hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 90 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT, hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 92. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



Chương VII

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 93. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương VIII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 94. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 94 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026. Quy chế thay thế Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ Nhất được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2026)

Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 30/6/2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng quản trị Công ty;

- Xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin;

- Nếu nội dung trên được Hội đồng quản trị thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 - 09 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động

theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải

thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày xin từ chức (nêu trong đơn) hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và

ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của

Công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo Khoản 2, Điều 27, Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản

ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có) về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung

hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày, trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị và thư ký Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến

của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm trước và định hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư năm kế hoạch của Tổng giám đốc;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người

529
TỶ
HÀN
SU
LẬP
105

khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành tổ chức thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trình HĐQT ban hành, để làm cơ sở hoạt động.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra, các nội dung kiến nghị hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026 và thay thế cho Quy chế đã ban hành ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Khi có sự thay đổi về pháp luật có liên quan đến nội dung của Quy chế này, hoặc xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty, HĐQT trình ĐHĐCĐ để thông qua những nội dung thay đổi, mới được ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung mới./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

0 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh-Phường Tân An-Tỉnh Đắk Lắk

ĐT: (+84) 2623 865 015 - Fax: (+84) 2623 865 041

Website: <http://www.dakruco.com>; Email: caosu@dakruco.com



DAKRUCO

THẺ BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết
(bao gồm cả ủy quyền)

(Số lượng cổ phần cụ thể của cổ đông).....

Tên cổ đông: **NGUYỄN VĂN A**

Tên người nhận ủy quyền/Người đại diện: **NGUYỄN VĂN B (nếu có)**

Số CCCD/Hộ chiếu/Đăng ký kinh doanh: 00.....

Địa chỉ liên hệ/Trụ sở: Số nhà, tên đường phố, phường/xã, tỉnh/thành phố

Ghi chú: Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung:

- Thông qua lựa chọn Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.
- Thông qua Chương trình cuộc họp, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế miễn nhiệm và bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT tại Đại hội.
- Thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát.
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội.

CÔNG TY CP CAO SU ĐÁK LẮK
(ĐAKRUCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Ngày 30/6/2026)

Cổ đông:		Số cổ phần:		
Số CCCD/dăng ký KD		Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:		
TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Thông qua Tờ trình số: 12/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về kế hoạch SXKD và đầu tư 5 năm (2026-2030)			
1.1	Chỉ tiêu về sản lượng giai đoạn từ 2026-2030: Mủ cao su (tự khai thác): 47.490,99 tấn; Chỉ thun (sản xuất): 14.300,00 tấn; Trái sầu riêng: 5.815,70 tấn; Quả cau: 379,52 tấn; Cà phê: 4.647,72 tấn.			
1.2	Doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2026-2030: Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt: 5.560,06 tỷ đồng; Tổng chi phí cả giai đoạn: 4.996,40 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 477,89 tỷ đồng.			
1.3	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030: Tổng chi phí đầu tư là 1.183,60 tỷ đồng.			
1.4	Hàng năm, HĐQT căn cứ vào kế hoạch nói trên để xây dựng kế hoạch và trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua, để Ban Điều hành làm căn cứ thực hiện.			
1.5	Trường hợp UBND tỉnh có ý kiến khác với các nội dung nêu trên, HĐQT sẽ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.			
2	Thông qua Tờ trình số: 11/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2026			
2.1	Tổng sản lượng trong năm: Sản lượng mủ cao su: 8.772,87 tấn; Sản lượng cao su nhận gia công: 1.000,00 tấn; Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại: 2.500,00 tấn; Sản lượng quả tươi: 751,00 tấn (trong đó: Sầu riêng: 700,00 tấn; cau: 51,00 tấn).			
2.2	Tổng doanh thu: 814.225,56 triệu đồng; Tổng chi phí: 723.006,35 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế: 91.219,20 triệu đồng.			
2.3	Tổng vốn đầu tư: 254.414,63 triệu đồng, trong đó: Đầu tư vườn cây cao su KTCB: 105.103,57 triệu đồng; Đầu tư vườn cây ăn trái tại dự án NN ứng dụng CNC tại Cư Bao: 15.425,1 triệu đồng; Đầu tư vườn cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar là 41.352,74 triệu đồng; Đầu tư vào rừng trồng (FSC): 815,6 triệu đồng; Đầu tư khác vườn cây: 83.150,9 triệu đồng; Đầu tư góp vốn ra ngoài để thành lập Công ty kiểm phẩm trái cây, Nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao: 8.000 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.			

2.4	Trường hợp UBND tỉnh có ý kiến khác với các nội dung nêu trên, HĐQT sẽ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.			
3	Thông qua Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025			
3.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2025: 76.569.743.953 đồng. Trong đó: Trích lập các quỹ trên khoản lợi nhuận sau thuế của năm 2025: 50.123.040.933 đồng; Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ: 26.446.703.020 đồng.			
3.2	Chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2026: Mức chi trả: 01 (Một) cổ phiếu nhận 169 đồng (tương ứng với tỷ lệ: 1,69%/CP); Tổng số tiền cổ tức phải chi trả: 26.330.200.000 đồng. Giao cho HĐQT Công ty quyết định thời gian chi trả trong năm 2026, phù hợp với tình hình tài chính Công ty.			
4	Thông qua Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, người quản lý, HĐQT và Ban kiểm soát năm 2026.			
4.1	<p>Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành: 243.240,45 triệu đồng. Trong đó, Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành năm 2025 được quyết toán là: 212.189,45 triệu đồng; Quỹ tiền lương của khối cao su trồng mới, chăm sóc cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản: 31.051 triệu đồng.</p> <p>Tổng Quỹ Tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025: 2.081,697 triệu đồng. Trong đó: Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.637,628 triệu đồng; Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên Hội đồng, kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 444,069 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng của người quản lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 320,86 triệu đồng; Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện: 71,987 triệu đồng.</p>			
4.2	Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người lao động, Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành năm 2026: 282.399,621 triệu đồng. Trong đó, Quỹ tiền lương của người lao động năm: 240.908,014 triệu đồng; Quỹ tiền lương khối cao su trồng mới, chăm sóc cây cao su và cây cà phê thời kỳ KTCB: 37.328 triệu đồng; Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể: 179,404 triệu đồng; Quỹ tiền lương Ban điều hành: 1.984,32 triệu đồng; Quỹ tiền lương Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên chuyên trách: 1.450,080 triệu đồng; Quỹ Thù lao Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên không chuyên trách: 549,792 triệu đồng. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát 200 triệu đồng.			
5	Thông qua Tờ trình số: 08 /TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Theo đó, ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào đề xuất của UB Kiểm toán, để lựa chọn 1 trong 3 Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty mẹ và Báo cáo			

	tài chính hợp nhất năm 2026 của Công ty như sau: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC); Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC (Moore AISC) – Chi Nhánh Đà Nẵng; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) – Chi Nhánh Đà Nẵng.			
6	Thông qua Tờ trình số: 13/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.			
7	Thông qua Tờ trình số: 14/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về việc sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. (có Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT kèm theo)			
8	Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (có Báo cáo kèm theo).			
9	Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 (có Báo cáo kèm theo).			
10	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Kiểm toán độc lập (có Báo cáo kèm theo).			
11	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 (có Báo cáo kèm theo).			

Đắc Lắc, ngày 30 tháng 6 năm 2026
Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
 Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu CD tổ chức

Ghi chú :

- Cổ đông đánh dấu (X) vào một trong các ô : Tán thành, không tán thành, không ý kiến
- Phiếu không hợp lệ là phiếu không có ý kiến nào hoặc có từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung biểu quyết

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt: 5.560,06 tỷ đồng;
- Tổng chi phí cả giai đoạn: 4.996,40 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 477,89 tỷ đồng.

3. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030: Tổng chi phí đầu tư là 1.183,60 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư chăm sóc cho vườn cây cao su: 369,99 tỷ đồng;
- Đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng và cà phê tại Nông trường Cư Bao: 49,71 tỷ đồng;
- Đầu tư trồng và chăm sóc vườn cà phê trồng xen tại Nông trường Cư M'gar và Phú Xuân: 203,77 tỷ đồng;
- Đầu tư trồng rừng (FSC): 4,84 tỷ đồng;
- Đầu tư ngoài nông nghiệp, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và đầu tư xây dựng cơ bản các hạng mục công trình khác (kể cả góp vốn đầu tư): 421,29 tỷ đồng.

4. Hàng năm, HĐQT căn cứ vào kế hoạch nói trên để xây dựng kế hoạch và trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua, để Ban Điều hành làm căn cứ thực hiện.

5. Trong trường hợp UBND tỉnh có ý kiến khác với các nội dung trên, thì HĐQT sẽ điều chỉnh theo ý kiến của UBND tỉnh, trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Điều 3: Thống nhất thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính và đầu tư năm 2026, theo Tờ trình số: 11/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty, bao gồm các chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tổng sản lượng trong năm: Sản lượng mủ cao su: 8.772,87 tấn; Sản lượng cao su nhận gia công: 1.000,00 tấn; Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại: 2.500,00 tấn; Sản lượng quả tươi: 751,00 tấn (trong đó: Sầu riêng: 700,00 tấn; cau: 51,00 tấn).

2. Tổng doanh thu: 814.225,56 triệu đồng;

3. Tổng chi phí: 723.006,35 triệu đồng;

4. Lợi nhuận trước thuế: 91.219,20 triệu đồng.

5. Tổng vốn đầu tư: 254.414,63 triệu đồng, trong đó: Đầu tư vườn cây cao su KTCB: 105.103,57 triệu đồng; Đầu tư vườn cây ăn trái tại dự án NN ứng dụng CNC tại Cư Bao: 15.425,1 triệu đồng; Đầu tư vườn cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar là 41.352,74 triệu đồng; Đầu tư vào rừng trồng (FSC): 815,6 triệu đồng; Đầu tư khác vườn cây: 83.150,9 triệu đồng; Đầu tư góp vốn ra ngoài để thành lập Công ty kiểm phẩm trái cây, Nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao: 8.000 triệu đồng.

Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

6. Trường hợp UBND tỉnh có ý kiến khác với các nội dung nêu trên, HĐQT sẽ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Điều 4: Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, theo Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2025: 76.569.743.953 đồng. Trong đó: Trích lập các quỹ trên khoản lợi nhuận sau thuế của năm 2025: 50.123.040.933 đồng; Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ: 26.446.703.020 đồng.

2. Chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2026: Mức chi trả: 01 (Một) cổ phiếu nhận 169 đồng (tương ứng với tỷ lệ: 1,69%/CP); Tổng số tiền cổ tức phải chi trả: 26.330.200.000 đồng. Giao cho HĐQT Công ty quyết định thời gian chi trả trong năm 2026, phù hợp với tình hình tài chính Công ty.

Điều 5: Thống nhất thông qua Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, người quản lý, HĐQT và Ban kiểm soát năm 2026:

1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành: 243.240,45 triệu đồng. Trong đó, Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành năm 2025 được quyết toán là: 212.189,45 triệu đồng; Quỹ tiền lương của khối cao su trồng mới, chăm sóc cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản: 31.051 triệu đồng.

Tổng Quỹ Tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025: 2.081,697 triệu đồng. Trong đó: Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên làm việc chuyên trách: 1.637,628 triệu đồng; Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 của Thành viên Hội đồng, kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 444,069 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng của người quản lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 320,86 triệu đồng; Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện: 71,987 triệu đồng.

2. Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người lao động, Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành năm 2026: 282.399,621 triệu đồng. Trong đó, Quỹ tiền lương của người lao động năm: 240.908,014 triệu đồng; Quỹ tiền lương khối cao su trồng mới, chăm sóc cây cao su và cây cà phê thời kỳ KTCB: 37.328 triệu đồng; Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể: 179,404 triệu đồng; Quỹ tiền lương Ban điều hành: 1.984,32 triệu đồng; Quỹ tiền lương Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên chuyên trách: 1.450,080 triệu đồng; Quỹ Thù lao Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên không chuyên trách: 549,792 triệu đồng. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát 200 triệu đồng.

Điều 6: Thống nhất thông qua Tờ trình số: 08 /TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của của HĐQT Công ty về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Theo đó, ủy quyền cho HĐQT căn cứ trên đề xuất của Ủy Ban kiểm toán Công ty để lựa chọn 1 trong 3 Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026 của Công ty như sau gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC);
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC (Moore AISC) – Chi nhánh Đà Nẵng;
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) – Chi

829
TỶ
IÂN
SU
ẮK
QT-T

nhánh Đà Nẵng.

Điều 7: Thống nhất thông qua Tờ trình số: 13/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 8: Thống nhất thông qua Tờ trình số: 14/TTr-HĐQT ngày 05/6/2026 của HĐQT Công ty về việc sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Giao Chủ tịch HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký các quyết định ban hành Điều lệ và các quy chế nói trên để triển khai thực hiện.

Điều 9: Thống nhất miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II, (2023-2028) như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Viết Tượng đã có đơn từ nhiệm;

2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, khi mô hình quản lý Công ty không còn Ban Kiểm soát, đối với các ông sau:

- Ông
- Ông
- Ông

3. Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ II (2023-2028) đối với

Điều 10: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Kèm theo Nghị quyết này bao gồm các văn bản đã trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% trên tổng số các cổ phần tham dự cuộc họp có quyền biểu quyết và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Người PTQTCT;
- Phòng HC (đăng tải Website Cty);
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Viết Tượng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty: :	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) cổ phần, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: – Mỗi quan hệ:; nắm giữ: CP, chiếm vốn điều lệ – Mỗi quan hệ:.....; nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2023

Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số: .. 642

ĐẾN Ngày: 29/04/2026

Chuyển:

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Dakruco.

Tôi tên: NGUYỄN VIỆT TƯỢNG. Ngày sinh: 01/01/1965

Hiện là Chủ tịch HĐQT Dakruco

Tôi làm đơn này xin gửi đến HĐQT và ĐHĐCĐ Dakruco, về việc xin từ nhiệm thành viên HĐQT trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Dakruco, để HĐQT chuẩn bị nhân sự thay thế trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Lý do từ nhiệm: Theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND, ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Về việc Người đại diện vốn Nhà nước nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, ngày 01/8/2026 tôi sẽ nghỉ hưu. Do vậy, bản thân tôi không thể tiếp tục làm Người đại diện vốn Nhà nước tại Dakruco và theo đó UBND tỉnh sẽ cử Người đại diện vốn Nhà nước khác thay thế.

Trong suốt gần 11 năm gắn bó với Dakruco, trên cương vị Chủ tịch HĐQT, bản thân tôi cùng tập thể HĐQT qua các thời kỳ đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đã đưa Dakruco từng bước vượt qua khó khăn và phát triển như ngày hôm nay và tất nhiên không tránh khỏi những sai sót nhất định, nhân dịp này tôi xin gửi đến quý vị cổ đông, các thành viên HĐQT qua các thời kỳ và toàn thể Ban Điều hành, cùng cán bộ công nhân viên, người lao động của hệ sinh thái Dakruco lời cảm ơn chân thành về tất cả.

Cuối cùng rất mong được sự chấp thuận của HĐQT và ĐHĐCĐ về nguyện vọng của bản thân tôi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để biết);
- Sở NV tỉnh (để biết); ✓
- Đảng ủy Dakruco (để biết).

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG